

MỤC LỤC

1. Những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (Sở Công Thương tỉnh Quảng Bình).....	2
2. Công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường đối với các hợp tác xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng)	4
3. Liên kết mở rộng thị trường xuất khẩu, tạo sức bật mới cho sản phẩm gỗ xuất khẩu Bình Định (Sở Công Thương tỉnh Bình Định).....	8
4. Hợp tác phát triển công nghiệp, thương mại giữa Sở Công Thương tỉnh Bình Định với Sở Công Thương 4 tỉnh Nam Lào: “Đổi mới và phát triển” (Sở Công Thương tỉnh Bình Định).....	13
5. Giải pháp đẩy mạnh kết nối cung cầu hàng hóa và phát triển thị trường (Sở Công Thương tỉnh Phú Yên)	16
6. Đầu tư phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Phú Yên (Sở Công Thương tỉnh Phú Yên)	19
7. Tiềm năng, lợi thế phát triển năng lượng của tỉnh Ninh Thuận (Sở Công Thương tỉnh Ninh Thuận)	22
8. Phát triển các sản phẩm đặc thù của tỉnh Ninh Thuận (Sở Công Thương tỉnh Ninh Thuận)	27
9. Tiềm năng, lợi thế các dự án thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Kon Tum và những tác động tiêu cực của các công trình thủy điện (Sở Công Thương tỉnh Kon Tum).....	31
10. Tổng kết 10 năm thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam thông qua Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn” của tỉnh Gia Lai (Sở Công Thương tỉnh Gia Lai).....	35
11. Phát triển các dự án điện mặt trời, điện gió trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Sở Công Thương tỉnh Gia Lai)	38
12. Nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” tại tỉnh Đắk Lắk (Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk)	46
13. Giải pháp xuất khẩu hàng hóa tại tỉnh Lâm Đồng (Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng)	48

NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KHUYẾN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

Sở Công Thương tỉnh Quảng Bình

Những năm qua cùng với sự tăng trưởng kinh tế và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu, rộng của cả nước, Quảng Bình cũng đã có những bước phát triển đáng kể. Công nghiệp duy trì tăng trưởng ổn định (xấp xỉ 10%); chất lượng sản phẩm được nâng lên, một số sản phẩm công nghiệp đã khẳng định được thương hiệu và có chỗ đứng vững chắc trên thị trường như: xi măng, bia, gạch ceramic, phân vi sinh, may mặc, dăm gỗ ... Quảng Bình cũng sở hữu nhiều sản phẩm hàng hóa đặc sản như thủy sản tươi sống, nước mắm, ruốc, cá khô, mật ong (53.000 lít/năm), bún, bánh mì xát, khoai gieo Hải Ninh (100 tấn/năm), mực khô, mây tre đan, mộc mỹ nghệ, lúa gạo, dưa hấu, rau các loại (*dưa leo, mướp đắng, đậu cove...*) và có rất nhiều các cơ sở, làng nghề sẵn sàng cung ứng ra thị trường các sản phẩm như: Đồ gỗ mỹ nghệ, Rượu, chiếu cói và các sản phẩm hàng hóa khác.

Thời gian qua, nhiều cơ sở công nghiệp nông thôn ở Quảng Bình được hưởng lợi từ hỗ trợ của các chương trình khuyến công quốc gia và khuyến công địa phương. Hoạt động khuyến công đang từng bước khẳng định vai trò, vị thế trong việc thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Tính riêng năm 2018, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại đã triển khai thực hiện 4 đề án từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia với tổng kinh phí hỗ trợ là 1,76 tỷ đồng và 34 đề án từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương, với kinh phí hỗ trợ đạt trên 2,83 tỷ đồng. Các nội dung hỗ trợ chủ yếu gồm: xây dựng các mô hình trình diễn, hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn và hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất các sản phẩm thuộc các lĩnh vực: Sản xuất gạch không nung; Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; cơ khí tổng hợp; may công nghiệp; đóng và sửa chữa tàu thuyền; chế biến gỗ; chế biến thực phẩm...

Tuy nhiên, hoạt động khuyến công vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục, đó là: hỗ trợ xây dựng thương hiệu, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm còn ít. Mức hỗ trợ những năm gần đây có nâng lên đáng kể nhưng vẫn còn thấp, chưa thực sự là động lực để các doanh nghiệp đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực sản xuất, sức cạnh tranh của sản phẩm. Thông qua công tác khuyến công để tư vấn phát triển công nghiệp còn hạn chế. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ hoạt động trong lĩnh vực khuyến công ở cấp huyện còn yếu.

Để nâng cao hiệu quả công tác khuyến công thời gian tới tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh, đặc biệt đối với các mặt hàng có tiềm năng và lợi thế của tỉnh như: Thủy hải sản, gỗ, cao su, phân bón, xi măng...

2. Định hướng và hỗ trợ các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ thay đổi tư duy theo hướng cơ giới hóa, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

3. Tăng cường huy động, bổ sung các nguồn lực nhằm đẩy mạnh công tác khuyến công. Tranh thủ tối đa các nguồn vốn khuyến công quốc gia, khuyến công địa phương, kết hợp lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ và nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để thực hiện.

4. Ưu tiên xây dựng và triển khai hỗ trợ các đề án, nhiệm vụ khuyến công giải quyết nhiều việc làm và thu nhập cao cho người lao động; ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, áp dụng công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, có giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường. Ưu tiên hỗ trợ các đơn vị sản xuất các mặt hàng phục vụ khách du lịch...phù hợp với thị hiếu của khách hàng, được khách hàng chấp nhận.

Một số giải pháp trong thời gian tới:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách khuyến công trên các phương tiện thông tin đại chúng với các phương thức phong phú, đa dạng;

- Kiện toàn và phát huy hiệu quả bộ máy hoạt động của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại. củng cố và tăng cường hiệu quả công tác khuyến công từ cơ sở. Thực hiện tốt chức năng phục vụ quản lý nhà nước ngành Công Thương, đảm bảo hoạt động cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực khuyến công;

- Triển khai có hiệu quả các đề án khuyến công thuộc Chương trình khuyến công quốc gia và địa phương.

- Triển khai đồng thời các hoạt động hướng dẫn, tư vấn cho các cơ sở công nghiệp nông thôn thực hiện liên doanh, liên kết, hợp tác sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường với sản lượng lớn. Cung cấp thông tin, tập huấn nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công theo hướng chuyên nghiệp hóa nhằm nâng cao chất lượng công tác.

Kiến nghị:

Tỉnh Quảng Bình là địa phương còn nhiều khó khăn, đề nghị Bộ Công Thương và các cơ quan trực thuộc Bộ Công Thương quan tâm hỗ trợ./.

CÔNG TÁC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC HỢP TÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng

Trong xu thế hội nhập kinh tế và toàn cầu hóa hiện nay, hoạt động xúc tiến thương mại (XTTM) ngày càng trở nên cần thiết và đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá sản phẩm, khai thác, mở rộng thị trường tiêu thụ, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động XTTM đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là đối với thành phần kinh tế tập thể như hợp tác xã, tổ hợp tác trong các lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ hiện nay còn nhiều khó khăn về năng lực sản xuất, sức cạnh tranh của sản phẩm, về phát triển thị trường; Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng đã phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan triển khai nhiều hoạt động XTTM hỗ trợ các hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh quảng bá, tìm kiếm thị trường, kết nối giao thương với các tỉnh, thành trong và ngoài nước. Thông qua các hoạt động đã triển khai, nhiều sản phẩm của các hợp tác xã, tổ hợp tác đã tìm được chỗ đứng trên thị trường, góp phần tăng doanh thu, giải quyết việc làm cho người lao động; thể hiện ở các nội dung sau:

Thứ nhất, về hỗ trợ tham gia hội chợ trong và ngoài thành phố

Trong chương trình hoạt động xúc tiến thương mại hàng năm, Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng đã hỗ trợ 50% chi phí gian hàng cho hơn 30 lượt hợp tác xã¹ tham gia các hội chợ trên địa bàn thành phố (Hội chợ Xuân, Hội chợ Quốc tế Hành lang kinh tế Đông Tây, Hội chợ hàng Việt, các Phiên chợ hàng Việt - đưa hàng về nông thôn hưởng ứng Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam tại các quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, huyện Hòa Vang) với tổng kinh phí hơn 200 triệu đồng. Ngoài ra, đã hỗ trợ cho các HTX tham gia các hội chợ triển lãm tại các tỉnh, thành khác trong nước (Huế, Quảng Nam, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Định, Phú Yên, Hải Phòng, Ninh Thuận) và nước ngoài (Lào, Thái Lan)...nhằm giúp các đơn vị giới thiệu, quảng bá sản phẩm, tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ.

Thứ hai, hỗ trợ giới thiệu sản phẩm của các HTX vào siêu thị, xây dựng đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, xây dựng website thương mại điện tử

- Tổ chức nhiều hoạt động nhằm kết nối giữa các nhà sản xuất, các cơ sở sản xuất hàng nông sản trên địa bàn với các doanh nghiệp, trung tâm thương mại siêu thị nhằm giới thiệu, hỗ trợ, giúp các cơ sở sản xuất tiêu thụ sản phẩm, gồm:

¹ Hội Làng nghề nước mắm Nam Ô, HTX dịch vụ sản xuất và kinh doanh tổng hợp Hòa Tiến II, HTX dịch vụ sản xuất và kinh doanh tổng hợp Hòa Phước, Hội Nông dân xã Hòa Phước, Trang trại Thắng Thịnh Thành, HTX An Hải Đông, Chi hội nuôi tôm nước lợ Trường Thịnh, HTX rau an toàn Túy Loan, HTX rau La Hường, HTX nấm Hòa Tiến, HTX SXKD DVTM Tổng hợp Kim Thanh, HTX SX giống và nuôi trồng Nấm An Hải Đông, HTX Hải Nhi, HTX dịch vụ Tổng hợp Ô Long, HTX DV SX và tiêu thụ rau an toàn Túy Loan, HTX SX nước mắm và CB hải sản Đông Hải, Liên hiệp HTX Liên Thành, HTX CNC Mặt trời Việt

+ Tổ chức 03 đợt tiếp xúc, kết nối cung cầu giữa các doanh nghiệp nói chung, các HTX sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ nói riêng với các cơ sở sản xuất, nhà phân phối, trung tâm thương mại siêu thị trên địa bàn nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện cho các đơn vị giới thiệu, quảng bá và tìm đầu ra tiêu thụ sản phẩm. Kết quả, đã có 04 biên bản ghi nhớ được ký kết: Hợp tác xã Dịch vụ Sản xuất kinh doanh tổng hợp Năm Hòa Tiến (nắm các loại), Hợp tác xã Rau Túc Loan, HTX Rau An toàn La Hường (rau an toàn các loại) ký kết với Trung tâm Thương mại Lottemart Đà Nẵng; Hợp tác xã năm Hòa Nhơn (nắm các loại) ký kết với Công ty TNHH MTV Duyên Hải Xanh và Siêu thị Intimex (hiện nay là Siêu thị Danavimart)

+ Làm đầu mối hỗ trợ các HTX tiếp xúc, gặp gỡ với các doanh nghiệp đầu mối đến từ các tỉnh Lâm Đồng, An Giang, Bến Tre, thành phố Hồ Chí Minh... để tìm kiếm đối tác, tăng cường các hoạt động giao thương, trao đổi thông tin, kinh nghiệm với các tỉnh bạn;

+ Tiếp tục duy trì 01 quầy hỗ trợ tiêu thụ nông sản đã bố trí cho Hợp tác xã Dịch vụ sản xuất và Kinh doanh tổng hợp Năm Hòa Tiến tại Chợ đầu mối Hòa Cường (từ tháng 10/2013). Tuy nhiên, đơn vị chưa khai thác được điểm kinh doanh này một cách hiệu quả do nguồn hàng, số lượng, chủng loại thiếu tính ổn định, đa dạng, phong phú, còn phụ thuộc nhiều vào mùa vụ.

- Về xây dựng thương hiệu, từ năm 2009 đến 6 tháng đầu năm 2019, Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng đã hỗ trợ thiết kế bao bì, tư vấn các giải pháp quảng bá thương hiệu, đăng ký bảo hộ độc quyền nhãn hiệu các sản phẩm nông nghiệp cho 26 lượt HTX, hộ sản xuất làng nghề với tổng kinh phí hỗ trợ gần 660 triệu đồng².

Ngoài ra, trong kế hoạch phát triển thương mại điện tử, Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng đã hỗ trợ 09 Hợp tác xã, cơ sở sản xuất hàng nông sản³ xây dựng website thương mại điện tử với tổng kinh phí 92 triệu đồng; Tạo điều kiện cho các HTX tham gia gian hàng trên Sàn thương mại điện tử (danangtrade.com.vn) của thành phố Đà Nẵng.

- Hỗ trợ về công tác tuyên truyền, quảng bá giới thiệu về sản phẩm của các HTX trên các chuyên mục Công Thương hàng tháng trên Đài DanangTV, trên website Sở Công Thương, website Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại Đà Nẵng. Thường xuyên cung cấp thông tin về cơ chế chính sách, tình hình hoạt động thương mại nói chung và xúc tiến thương mại nói riêng cho các đối tượng DN/HTX trên địa bàn nhằm kịp thời nắm bắt thông tin, phục vụ cho công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

² Làng nghề nước mắm Nam Ô, HTX sản xuất rau an toàn La Hường, HTX Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ An Hải Đông, HTX Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Kim Thanh, Tổ hợp tác Năm La Châu, Tổ hợp tác rau an toàn Cẩm Nê, HTX dịch vụ Tổng hợp Ô Long, HTX kinh doanh chế biến Nông lâm ngư nghiệp Sơn Trà - Thủy sản khô, HTX dược liệu Nam Sơn - Dược liệu, HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ năm Tây An, HTX gà Nhon Phát và 05 cơ sở sản xuất, chăn nuôi của Hòa Vang....

³ HTX sản xuất giống và dịch vụ nuôi trồng năm An Hải Đông, HTX Chế biến kinh doanh hàng xuất khẩu Bảo Trung, HTX Mây tre An Khê, HTX rau an toàn Túc Loan, Cơ sở sản xuất nước chấm Y Phụng...

Thứ ba, hỗ trợ bồi dưỡng, đào tạo cán bộ hợp tác xã, Tổ hợp tác

Hằng năm, Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng phối hợp với UBND quận, huyện trên địa bàn tổ chức lớp tập huấn về vệ sinh an toàn thực phẩm, kỹ năng bán hàng, xây dựng và phát triển thương hiệu cho các HTX... cũng như các lớp tập huấn, bồi dưỡng về ứng dụng thương mại điện tử.

Tuy công tác hỗ trợ xúc tiến thương mại cho kinh tế tập thể thời gian qua đạt được nhiều kết quả, với nhiều chương trình bám sát thực tế và nhu cầu của các đơn vị; nhưng theo Sở Công Thương đánh giá, việc hỗ trợ xúc tiến thương mại cho kinh tế tập thể vẫn chưa phát huy đạt được hiệu quả, yêu cầu đặt ra với các nguyên nhân sau:

- Ngoài một số HTX, cơ sở sản xuất có sự đầu tư, nghiên cứu, xây dựng các mô hình sản xuất có hiệu quả như trồng rau củ quả theo quy trình Vietgap; chế biến thành các sản phẩm ăn liền (nấm rim, tương ớt, rong biển, tảo xoắn...); rượu, trà linh chi từ các nguyên liệu như nấm...; đa số các đơn vị còn lại đều có quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, sản phẩm chưa đáp ứng được yêu cầu, tiêu chuẩn về chất lượng, số lượng để đảm bảo cung ứng thường xuyên cho các siêu thị, chuỗi cửa hàng bán lẻ mà kênh tiêu thụ chủ yếu hiện nay là các chợ, các nhà hàng trên địa bàn thành phố.

- Các hoạt động liên doanh, liên kết trong sản xuất, kinh doanh giữa các hợp tác xã với nhau còn hạn chế. Tuy vừa qua đã hình thành được một số liên kết, nhưng ở quy mô nhỏ, hiệu quả vẫn chưa cao;

- Các hợp tác xã còn tâm lý trông chờ sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa chủ động tham gia các hoạt động XTTM do Sở Công Thương triển khai.

Để triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ XTTM cho kinh tế tập thể trong thời gian tới, Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng tiếp tục triển khai các giải pháp như sau:

- Hỗ trợ các hợp tác xã tham gia giới thiệu sản phẩm tại các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước; tham gia các cơ hội giao thương, phiên chợ hàng Việt, chương trình kết nối cung cầu giữa các nhà sản xuất, các cơ sở sản xuất hàng nông sản trên địa bàn với các doanh nghiệp, trung tâm thương mại siêu thị nhằm giới thiệu, hỗ trợ, giúp các cơ sở sản xuất tiêu thụ sản phẩm;

- Tiếp tục hỗ trợ các hợp tác xã xây dựng và phát triển thương hiệu (theo Chương trình phát triển thương hiệu cho một số sản phẩm ưu tiên của thành phố Đà Nẵng; Đề án phát triển thương hiệu cho một số sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ưu tiên của thành phố);

- Hỗ trợ về công tác tuyên truyền, quảng bá giới thiệu sản phẩm của các hợp tác xã trên chuyên mục Công Thương trên Đài DanangTV, trên website Sở Công Thương, website Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại Đà Nẵng...;

- Đẩy mạnh sự liên kết, hợp tác giữa các tổ hợp tác, hợp tác xã với nhau; giữa tổ hợp tác, hợp tác xã với các thành phần kinh tế để ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tập thể của thành phố.

- Tổ chức và phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng xúc tiến thương mại, kỹ năng bán hàng, văn minh thương mại, xây dựng và phát triển thương hiệu; hội nhập kinh tế quốc tế, năng lực quản lý cho cán bộ quản lý cho các doanh nghiệp trên địa bàn nói chung và các hợp tác xã, tổ hợp tác nói riêng.

Trên đây là nội dung tham luận của Sở Công thương thành phố Đà Nẵng về Công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường đối với các Hợp tác xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tại Hội nghị ngành Công Thương 15 tỉnh, thành phố khu vực Miền Trung - Tây Nguyên lần thứ VI, năm 2019.

Kính chúc các quý vị đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt./.

LIÊN KẾT MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU-TẠO SỨC BẬT MỚI CHO SẢN PHẨM GỖ XUẤT KHẨU BÌNH ĐỊNH

Sở Công Thương tỉnh Bình Định

1. Tiềm năng và lợi thế

Trong những năm qua, ngành công nghiệp chế biến gỗ Bình Định đã có sự phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng, trở thành ngành công nghiệp chủ lực, đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu các ngành công nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Nhờ chú trọng công tác bảo vệ và phát triển rừng, khuyến khích các thành phần kinh tế, hộ gia đình, cá nhân cùng tham gia trồng rừng như dự án WB3 với diện tích 24.400 ha, KFW6 với 8.000 ha, dự án trồng rừng nguyên liệu gỗ và giấy 15.000 ha do các DN lâm nghiệp đầu tư, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng của Trung ương... qua đó, Bình Định đã nâng độ che phủ của rừng trên địa bàn toàn tỉnh trên 54% vào năm 2018, diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng đều tăng liên tục qua các năm... góp phần cung cấp một phần nguyên liệu phục vụ chế biến đồ gỗ xuất khẩu.

Với nguồn nhân lực dồi dào, Bình Định có đội ngũ lao động truyền thống làm nghề mộc lâu đời, từ xa xưa, tay nghề công nhân được đào tạo cơ bản và ngày càng chuyên nghiệp theo quy mô sản xuất công nghiệp, tạo nguồn cung nhân lực chất lượng cao và ổn định cho các nhà máy chế biến.

Cùng với chính sách mở cửa và tập trung đẩy mạnh thu hút đầu tư của tỉnh đã tạo tiền đề thu hút nhiều dự án sản xuất đồ gỗ đăng ký đầu tư, tạo nền tảng cho ngành công nghiệp chế biến gỗ Bình Định phát triển. Ngoài ra, việc thành lập KCN Phú Tài từ những năm 1998, tiếp theo là KCN Long Mỹ, Nhơn Hòa và các CCN trên địa bàn các huyện, thị xã đã tạo điều kiện về mặt bằng, hạ tầng cho các DN chế biến đồ gỗ xuất khẩu ổn định, tập trung sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong việc đặt hàng cũng như quản lý đơn hàng. Đặc biệt, Bình Định nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nên có các lợi thế về cơ chế, chính sách.. đã tạo cơ hội cho Bình Định đẩy mạnh phát triển công nghiệp, nhất là ngành CNCB gỗ xuất khẩu.

Ngành công nghiệp chế biến gỗ Bình Định phát triển dựa trên cơ sở khai thác tối đa tiềm năng và lợi thế sẵn có về điều kiện hạ tầng giao thông thuận lợi như hệ thống cảng biển Quy Nhơn rất thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu trong nước và quốc tế, là đầu mối nhập khẩu nguyên liệu cũng như xuất khẩu gỗ không chỉ cho riêng Bình Định mà cả khu vực miền Trung - Tây Nguyên, trở thành cánh cửa rộng mở cho ngành công nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu ở Bình Định và các vùng nguyên liệu tiếp cận thị trường thế giới.

Với mô hình chợ nguyên liệu sơ khai đã hình thành từ hàng chục năm nay, có sự góp mặt kinh doanh nguyên liệu gỗ của hơn 60 doanh nghiệp uy tín trong và ngoài nước, đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn nghiêm ngặt về môi trường của châu Âu.

2. Thu hút đầu tư và phát triển

Tỉnh Bình Định đã triển khai thực hiện tốt các chiến lược, quy hoạch, chính sách, giải pháp của Trung ương về phát triển ngành chế biến và xuất khẩu đồ gỗ; đồng thời, triển khai thực hiện hoàn thành một số nhiệm vụ góp phần phát triển ngành CNCB gỗ trên địa bàn tỉnh như:

- Vận động, khuyến khích các DN tiếp cận và áp dụng công nghệ chế biến, quản lý theo tiêu chuẩn chất lượng ISO; thực hiện quy trình quản lý Chuỗi hành trình CoC FSC, chứng chỉ VFTN, BSCL... đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng loạt, chất lượng đồng bộ, thời gian giao hàng nhanh, kiểu dáng mẫu mã đa dạng, phong phú. Sử dụng nguồn nguyên liệu gỗ nhập khẩu và khai thác từ các khu rừng được quản lý bền vững, có chứng chỉ FSC, bước đầu đáp ứng được các yêu cầu, tiêu chuẩn nghiêm ngặt về môi trường của các nước EU và Hoa Kỳ.

- Thành lập và củng cố Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định đi vào hoạt động ổn định và phát huy được hiệu quả. Hiệp hội Gỗ và Lâm sản tỉnh đã làm tốt vai trò cầu nối giữa các DN cùng ngành hàng liên kết, hỗ trợ nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thông qua việc triển khai nhiều hoạt động như xây dựng mối quan hệ đối ngoại, phổ biến chính sách, các quy định, các rào cản kỹ thuật thương mại quốc tế; quảng bá, xúc tiến thương mại; đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, công nghệ; phát triển hội viên... Bên cạnh đó, Hiệp hội đã chủ động nắm bắt và phản ánh những khó khăn, vướng mắc của các DN thành viên, đề Lãnh đạo trung ương và địa phương có biện pháp tháo gỡ kịp thời.

- Xây dựng và đưa vào hoạt động Sàn giao dịch Thương mại điện tử chuyên ngành đồ gỗ Bình Định (www.binhdinhhwood.com); ban hành chính sách hỗ trợ DN trên địa bàn tỉnh tham dự hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài phù hợp với thực tế, góp phần tăng cường hoạt động xây dựng và phát triển thương hiệu và nhãn hiệu sản phẩm để nâng cao giá trị gia tăng, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức thành công nhiều Hội chợ chuyên ngành đồ gỗ, đặc biệt là Festival Lâm sản Việt Nam theo định kỳ tổ chức tại Bình Định đã góp phần nâng cao thương hiệu gỗ Bình Định đến với các khách hàng trong nước và quốc tế. Đồng thời, tạo điều kiện các DN xây dựng mối quan hệ hợp tác kinh doanh, phát triển thị trường, tìm kiếm cơ hội liên kết mở rộng thị trường tiêu thụ và xuất khẩu...

- Để tiếp tục phát triển bền vững ngành chế biến gỗ, tỉnh Bình Định đã xây dựng Đề án phát triển sản phẩm gỗ nội thất tỉnh Bình Định đến năm 2020 và ban hành Chính sách khuyến khích đầu tư sản xuất sản phẩm gỗ nội thất và hiện nay, Sở Công Thương Bình Định đang xây dựng Đề án cơ cấu lại ngành công nghiệp chế biến gỗ đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 nhằm thúc đẩy việc chuyển đổi từ đồ gỗ ngoài trời sang đồ nội thất, sử dụng các nguồn nguyên liệu đa dạng, sẵn có trên địa bàn tỉnh hoặc các loại ván MDF, Okal sản xuất trong nước, tận dụng gỗ phế thải từ quá trình sản xuất đồ gỗ ngoài trời,

giảm áp lực nguồn gỗ cứng tự nhiên đòi hỏi có chứng nhận hiện nay... Đặc biệt, hoạt động sản xuất đồ gỗ nội thất không có tính thời vụ nên diễn ra thường xuyên quanh năm, không bị gián đoạn; đồng thời giải quyết cơ bản vấn đề thiếu hụt, biến động và di chuyển lao động; đem lại thời gian làm việc và thu nhập ổn định cho người lao động; ban hành chính sách khuyến khích phát triển sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho ngành chế biến gỗ.

3. Kết quả đạt được

Đến nay trên địa bàn tỉnh đã có trên 240 DN chế biến gỗ; tổng công suất thiết kế năm đạt khoảng 350.000 m³ sản phẩm gỗ tinh chế, 2 triệu tấn dăm gỗ và 1,2 triệu tấn viên gỗ nén; tổng vốn đầu tư khoảng 13.627 tỷ đồng ((vốn chủ sở hữu: 4.518 tỷ đồng, tài sản cố định: 4.749,8 tỷ đồng), giải quyết việc làm 24.000 lao động (13.000 lao động nữ), mức thu nhập bình quân năm 2018 khoảng 5 triệu đồng/người/tháng; nợ . Trong đó, có khoảng 70 DN tham gia XK trực tiếp, cùng với Bình Dương, Đồng Nai và TP. Hồ Chí Minh, Bình Định được xem là một trong những “thủ phủ - trung tâm” của ngành chế biến gỗ trong cả nước.

Về thị trường, sản phẩm đồ gỗ Bình Định đã xuất khẩu trực tiếp qua 5 châu lục trên 80 quốc gia và vùng lãnh thổ, phần lớn là xuất khẩu sang châu Âu (chiếm 82%), Châu Đại Dương (7,7%), Châu Mỹ (5%), Châu Á (5%) và Châu Phi. Thị trường nhập khẩu gỗ chủ yếu Malaysia, Myanma, Lào, Trung Quốc (Châu Á), UruGuay, Canada, Braxin (Châu Mỹ); Nam Phi và New Zealand, hằng năm, đáp ứng trên 70% nguyên liệu cho sản xuất...

Năm 2018, tổng giá trị xuất khẩu ngành gỗ đạt 381,7 triệu USD, chiếm 47,7% so tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn tỉnh, tăng 2,3% so với năm 2017; trong đó, Đồ gỗ ngoài trời chiếm 54,3%; Đồ gỗ nội thất chiếm 12,3%, dăm gỗ chiếm 24,8% và viên nén gỗ chiếm 6,4%... Tính chung giai đoạn 5 năm (2014-2018), tổng giá trị xuất khẩu ngành gỗ Bình Định đạt 1.173,5 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 6,7%/năm.

4. Một số khó khăn của thị trường xuất khẩu

Những năm gần đây, khi thị trường xuất khẩu gỗ của thế giới với những yêu cầu nghiêm ngặt về nguồn gốc nguyên liệu, những rào cản về kỹ thuật, rào cản thương mại bắt đầu xuất hiện thì thị phần sản phẩm gỗ của Bình Định cùng cả nước gặp không ít khó khăn, trở thành thách thức lớn đối với các doanh nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu.

Từ năm 2016 đến nay, ngành công nghiệp chế biến đồ gỗ Bình Định trải qua nhiều biến động của tình hình thị trường toàn cầu, nhất là tại thị trường EU. Sự kiện Brexit đã làm cho thị trường EU luôn bấp bênh, nhiều nhà nhập khẩu, nhà phân phối bị thua lỗ, hoặc tái cấu trúc mạng lưới mua hàng... Một số sản phẩm gỗ đã tăng thuế xuất khẩu: Dăm gỗ từ 0% lên 2%; ván lạng từ 5% lên 10%, trong khi nguồn gỗ nguyên liệu trong nước chưa đáp ứng được nhu cầu và chịu sự cạnh tranh thu mua trực tiếp từ thương nhân nước ngoài; ngành đồ gỗ Bình Định tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức đó làm vấn đề cạnh

tranh đơn hàng từ Trung Quốc, tình trạng thiếu hụt nguồn gỗ nguyên liệu rừng trồng trong nước và gỗ nhập khẩu; năng suất lao động thấp, chi phí vận chuyển nội địa và quốc tế đều tăng; những yêu cầu thách thức mới của chủ nghĩa bảo hộ tại các thị trường lớn. Mặt khác, năng lực cạnh tranh của nhiều doanh nghiệp còn hạn chế cả về nhân lực, trang thiết bị để chuyển đổi sản phẩm nội thất cao cấp...

5. Định hướng phát triển đồ gỗ Bình Định trong thời gian đến

Phát triển ngành chế biến gỗ bền vững với thương hiệu **“Đồ gỗ Bình Định”**, đảm bảo tính hợp pháp của gỗ, thân thiện môi trường, thỏa mãn các nhu cầu và yêu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế, đặc biệt chú trọng phát triển sản xuất “đồ gỗ nội thất”.

Đến năm 2020, kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ Bình Định phấn đấu đạt 475 triệu USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016-2020 nhóm hàng này đạt trên 2 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 8%/năm.

6. Một số giải pháp

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển sản phẩm gỗ nội thất tỉnh Bình Định đến năm 2020; Chính sách khuyến khích đầu tư sản xuất sản phẩm gỗ nội thất; xây dựng và triển khai Đề án cơ cấu lại ngành công nghiệp chế biến gỗ của tỉnh nhằm đẩy mạnh việc chuyển đổi từ đồ gỗ ngoài trời sang đồ nội thất; Chính sách khuyến khích phát triển sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho ngành chế biến gỗ. Quy hoạch và tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp chuyên ngành chế biến gỗ để thu hút nhà đầu tư, xây dựng cụm ngành chế biến gỗ Bình Định trên cơ sở điều kiện tự nhiên và sự sẵn có của các nhân tố sản xuất; hình thành chợ đầu mối nguyên liệu gỗ phục vụ chế biến tại Bình Định và các tỉnh trong khu vực.

- Về thị trường xuất khẩu, khuyến khích các DN tăng cường sử dụng các nguyên phụ liệu từ các nước thành viên mà Việt Nam tham gia ký kết từ các Hiệp định thương mại tự do, góp phần tăng tỷ lệ nội địa hóa để nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu sản phẩm đồ gỗ. Chú trọng phát triển các thị trường EU, Mỹ, Canada, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc... là những thị trường xuất khẩu chính có tốc độ tăng trưởng cao của ngành gỗ, nhất là sau khi các hiệp định thương mại tự do Việt Nam ký kết có hiệu lực. Trong đó, tăng cường công tác xúc tiến thương mại xuất khẩu để thúc đẩy tăng trưởng thị phần đồ gỗ tại thị trường Hoa Kỳ - thị trường tiêu thụ sản phẩm gỗ quan trọng nhất của Việt Nam, với giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt được trên 2,5 tỷ USD, chiếm gần 40% trong tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu. Hoa Kỳ cũng là thị trường cung gỗ nguyên liệu quan trọng cho Việt Nam, với giá trị hàng năm lên tới trên 200 triệu USD. Đồng thời, hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế để quảng bá thương hiệu “Đồ gỗ Bình Định”.

- Tăng cường liên kết trong ngành, nhất là mối liên kết giữa nhà sản xuất với nhà cung ứng nguyên phụ liệu, vật tư, dịch vụ... để tận dụng được các thành phẩm của nhau, hình thành chuỗi cung ứng hoàn chỉnh để cùng hỗ

trợ và chia sẻ khó khăn trên cơ sở đảm bảo sự hài hòa lợi ích giữa DN với khách hàng, nhà cung cấp và các đối tác, như giá nguyên phụ liệu, vật tư, dịch vụ... khi giá hàng hóa cơ bản trên thế giới giảm (giá xăng dầu, giá cước tàu biển...); hỗ trợ tìm kiếm, giới thiệu, cung cấp nguyên vật liệu mới có khả năng thay thế gỗ hoặc vật liệu kết hợp với gỗ như vải sợi, nhựa, kim loại, kính, đá...; đảm bảo đúng số lượng, chất lượng sản phẩm cung ứng để phục vụ nhu cầu nhà sản xuất.

- Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định tiếp tục chủ động liên kết chặt chẽ, hiệu quả với các Hiệp hội ngành hàng (Vifores, Hawa, Bifa, Dowwoha). Tăng cường quan hệ hợp tác phát triển ngành gỗ như nghiên cứu, khảo sát thị trường; kiến nghị chính sách, đào tạo công nghệ, thiết kế, đào tạo tiếp thị và bán hàng, phổ biến quy định pháp lý và tiêu chuẩn quốc tế với các tổ chức Forest Trends (Hoa Kỳ), Giz (Đức), Vftn-Wwf, Ilo, Sippo-Seco-Helvetage (Thụy sĩ), NEPCon, FLEGT Châu Á... Chủ động tham gia trực tiếp quá trình tham vấn chính sách ngành gỗ của Trung ương và địa phương như Hiệp định đối tác tự nguyện VPA FLEGT và hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp của Việt Nam (VNTLAS); định hướng doanh nghiệp tập trung phát triển sản xuất đồ gỗ nội thất và tạo liên kết ngành hỗ trợ hiệu quả, bảo đảm nâng dần vị thế cạnh tranh của ngành gỗ trong chuỗi sản phẩm gỗ và lâm sản toàn cầu; vận động sự ủng hộ của các cơ quan chức năng, các tổ chức trong nước và quốc tế về hỗ trợ phát triển ngành gỗ; phối hợp triển khai thực hiện các dự án trong ngành gỗ trên cả nước do các tổ chức trong nước và quốc tế hỗ trợ như thực hiện Hệ thống trách nhiệm giải trình cấp Hiệp hội về đảm bảo gỗ hợp pháp./.

HỢP TÁC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI GIỮA SỞ CÔNG THƯƠNG BÌNH ĐỊNH VỚI SỞ CÔNG THƯƠNG 4 TỈNH NAM LÀO: ‘ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN’

Sở Công Thương tỉnh Bình Định

Bình Định là tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ, có diện tích tự nhiên 6.039 km², phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam giáp tỉnh Phú Yên, phía Tây giáp tỉnh Gia Lai và phía Đông giáp biển Đông. Bình Định là một trong 5 tỉnh của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có vị trí địa lý kinh tế đặc biệt quan trọng trong việc giao lưu với các quốc gia ở khu vực và quốc tế; Bình Định nằm ở trung điểm của trục giao thông đường sắt và đường bộ Bắc – Nam, thuận lợi cho các tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Đông Bắc Thái Lan thông qua Quốc lộ 19. Đây là những điều kiện thuận lợi để liên doanh, liên kết, thu hút đầu tư sản xuất, giao lưu hàng hóa giữa tỉnh Bình Định với 04 tỉnh Nam Lào.

Tỉnh Bình Định và 04 tỉnh Nam Lào (Attapeu, Sekong, Champasak, Salavan) từ lâu đã có mối quan hệ đoàn kết, hợp tác gắn bó bền vững. Mối quan hệ đó đã không ngừng được củng cố và phát triển trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. Trong đó, hợp tác phát triển trên lĩnh vực công nghiệp, thương mại là một hợp phần có ý nghĩa quan trọng làm tăng cường tình hữu nghị giữa 2 tỉnh nói riêng và 2 nước Việt Nam và Lào nói chung.

Trong thời gian qua, quan hệ hợp tác phát triển trên lĩnh vực công nghiệp thương mại giữa Sở Công Thương Bình Định và Sở Công Thương 04 tỉnh Nam Lào đã có những bước phát triển đáng kể, đặc biệt vào năm 2016 Sở Công Thương Bình Định và Sở Công Thương 04 tỉnh Nam Lào đã ký kết được Bản ghi nhớ hợp tác phát triển công nghiệp thương mại giai đoạn 2016-2021 làm nền tảng cho Sở Công Thương cũng như doanh nghiệp các tỉnh có cơ hội nhiều hơn trong việc tìm hiểu đầu tư, hợp tác phát triển vùng nguyên liệu, xây dựng nhà máy chế biến, mở rộng hợp tác xúc tiến thương mại, trao đổi thông tin tiêu thụ sản phẩm.

Thực hiện Bản ghi nhớ hợp tác phát triển công nghiệp thương mại giai đoạn 2016-2021, Sở Công Thương Bình Định và Sở Công Thương các tỉnh Nam Lào đã thường xuyên tổ chức các buổi làm việc để trao đổi kinh nghiệm công tác quản lý nhà nước, tổ chức các Đoàn doanh nghiệp xúc tiến thương mại tại các tỉnh; mời gọi doanh nghiệp tham gia Hội chợ triển lãm của nhau. Kết quả đã tạo điều kiện cho một số doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh có dịp giao lưu, tìm hiểu hợp tác trên lĩnh vực công nghiệp, thương mại như: Công ty TNHH Habico Bình Định đã hợp tác, xúc tiến đầu tư trên lĩnh vực sản xuất rượu tại tỉnh Salavan, Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư có cơ hội hợp

tác, xúc tiến đầu tư trên lĩnh vực giống gia cầm tại tỉnh Attapur và Sekong; Công ty Khùn Sáp tỉnh Champasak đã ký kết các Bản ghi nhớ hợp tác với Công ty TNHH Tinh bột sắn Nhiệt Đồng Tâm Vĩnh Thạnh, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hoàng Ngọc, Công ty TNHH Thương mại Hoàng Long trên lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu sắn lát và các sản phẩm từ sắn; doanh nghiệp 03 tỉnh Champasak, Salavan và Attapur đã tham gia trưng bày các sản phẩm đặc trưng của địa phương tại Hội chợ Công Thương duyên hải miền Trung- Bình Định 2018 tổ chức tại thành phố Quy Nhơn từ ngày 14/5/2018 đến ngày 20/5/2018.

Đặc biệt, trong năm 2018, Sở Công Thương tỉnh Bình Định và Sở Công Thương các tỉnh Nam Lào đã phối hợp triển khai xây dựng “Website thương mại điện tử kết nối giao thương giữa tỉnh Bình Định với các tỉnh phía Nam nước Lào” với 03 thứ tiếng (tiếng Việt, tiếng Lào và tiếng Anh) nhằm giới thiệu các sản phẩm có thế mạnh của tỉnh Bình Định và các sản phẩm có thế mạnh của các tỉnh Nam Lào; cung cấp các thông tin cơ bản cần thiết để thu hút các doanh nghiệp có nhu cầu góp phần tăng cường xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá sản phẩm cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn các tỉnh. Đây là một trong những cột mốc quan trọng, đánh dấu sự phát triển hợp tác phát triển trên lĩnh vực công nghiệp - thương mại, thương mại điện tử giữa Bình Định và 04 tỉnh Nam Lào.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, Sở Công Thương Bình Định và Sở Công Thương 04 tỉnh Nam Lào vẫn còn một số hạn chế nhất định trong các hoạt động trong lĩnh vực công thương, đặc biệt là công tác xúc tiến thương mại. Trong thời gian đến Sở Công Thương Bình Định và Sở Công Thương 04 tỉnh Nam Lào đã cam kết tiếp tục thực hiện có hiệu quả Bản ghi nhớ phối hợp mà Sở Công Thương các tỉnh đã ký kết; Sở Công Thương các tỉnh thống nhất tiếp tục phối hợp triển khai một số nội dung chủ yếu sau:

- Tiếp tục luân phiên tổ chức gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công nghiệp và thương mại giữa Sở Công Thương Bình Định với Sở Công Thương 04 tỉnh Nam Lào; làm cầu nối, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp của mỗi tỉnh có cơ hội gặp gỡ, trao đổi, tìm hiểu cơ hội hợp tác giao thương, đặc biệt trên các lĩnh vực mà các bên có thế mạnh như nông sản và đồ gỗ, sản phẩm dược phẩm,...

- Tiếp tục phối hợp triển khai có hiệu quả “Website thương mại điện tử nhằm kết nối giao thương giữa tỉnh Bình Định với các tỉnh phía Nam nước Lào”, trong đó Sở Công Thương các tỉnh mời gọi doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh tham gia.

- Tiếp tục trao đổi kinh nghiệm trong việc lập, tổ chức triển khai thực hiện và quản lý các quy hoạch tổng thể, quy hoạch chuyên ngành; kinh nghiệm xây dựng các khu, cụm công nghiệp; kinh nghiệm xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm hoàn thành các mục tiêu quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển ngành công nghiệp, thương mại; công tác xúc tiến mời gọi đầu tư; xây dựng các chính sách về phát triển thương mại, chính sách phát triển chợ; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại...; trao đổi kinh nghiệm phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Hội chợ triển lãm được tổ chức trên địa bàn mỗi tỉnh để tạo cơ hội giao lưu, quảng bá sản phẩm.

- Thường xuyên thông tin về cơ chế chính sách liên quan đến lĩnh vực công nghiệp thương mại của mỗi nước để thông tin kịp thời cho doanh nghiệp tạo điều kiện doanh nghiệp các tỉnh mở rộng thị trường, xúc tiến đầu tư./.

GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH KẾT NỐI CUNG CẦU HÀNG HÓA VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Sở Công Thương tỉnh Phú Yên

Với đặc điểm của tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ nên Phú Yên có lợi thế tự nhiên về phát triển kinh tế biển. Với vùng biển rộng, có nhiều hải sản như: sò huyết, cá ngừ đại dương, tôm sú, tôm hùm, kinh tế thủy sản là thế mạnh của Tỉnh. Ngoài thủy sản, Phú Yên còn tập trung đầu tư cho khu chế biến nông nghiệp - ngư nghiệp ứng dụng công nghệ cao để hướng đến sản xuất nông nghiệp đạt chất lượng và hiệu quả. Các sản phẩm đặc trưng của tỉnh gồm: nước mắm, hải sản khô các loại, bò 1 nắng 2 sương, khóm Đồng Din, rượu tầm, đông trùng hạ thảo, bánh tráng, yến sào... đã được tiếp cận và phân phối đến các tỉnh, thành trong cả nước. Ngoài ra, các sản phẩm công nghiệp xuất khẩu như: cá ngừ, tôm đông lạnh chế biến, đồ hộp, tinh bột sắn, nhân hạt điều, sản phẩm gỗ, may mặc, linh kiện điện tử.

Về hạ tầng thương mại: Phú Yên có 02 siêu thị (Siêu thị Co.opMart Tuy Hòa; Siêu thị Gmart Sông Hinh); 01 Trung tâm thương mại Vincom, 32 cửa hàng tiện lợi và 141 chợ.

Trong những năm qua, để kết nối sản phẩm với các tỉnh, thành phố trong Khu vực Miền Trung - Tây nguyên và cả nước, Phú Yên đã tổ chức các hội nghị kết nối cung cầu với các tỉnh như An Giang, Lâm Đồng, Đắk Lắk và hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức đoàn tham gia các hội nghị kết nối cung cầu ở các tỉnh, thành phố (như TPHCM, Hà Nội, Đà Nẵng, Gia Lai, Bến Tre, Bà Rịa Vũng Tàu...). Thông qua các hội nghị, các doanh nghiệp giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm; từ hoạt động sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, thông qua các hoạt động giao thương, kết nối cung cầu đã góp phần cho các doanh nghiệp chuyển dần sang cách tiếp cận mới về thị trường như: nhận thức cách làm nhãn hiệu, đóng gói bao bì, nắm bắt thị hiếu và xu hướng tiêu dùng, xây dựng thương hiệu cho doanh nghiệp và sản phẩm của mình, nhất là nâng cao chất lượng sản phẩm để có chỗ đứng và cạnh tranh trên thị trường. Một số sản phẩm của tỉnh như bò 1 nắng, cá ngừ, hải sản khô, nước mắm,... đã được mở rộng thị trường đến một số tỉnh, thành trong cả nước.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc kết nối giữa nhà sản xuất và nhà phân phối cũng còn những khó khăn như:

- Việc đưa sản phẩm vào các nhà phân phối lớn như các siêu thị còn gặp phải trở ngại nhất định, nhất là các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ.

- Một số doanh nghiệp chưa chủ động trong việc tìm hiểu, kết nối với các nhà sản xuất, phân phối tham gia hội nghị; chưa chủ động tìm hiểu, nghiên cứu đối tác, thị trường của địa phương tổ chức hội nghị để hợp tác hoặc đặt vấn đề hợp tác.

Nguyên nhân, do một số cơ sở sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu của nhà phân phối, hay quy định của các siêu thị về thời gian thanh toán, chiết khấu, giá cả,... nên một số cơ sở sản xuất chọn kênh bán lẻ thông qua chợ truyền thống, cửa hàng chứ không vào kênh siêu thị. Ngoài ra, các cơ sở chưa chú trọng việc đầu tư để xây dựng thương hiệu, nhân lực còn hạn chế, nhất là việc xây dựng thương hiệu trực tuyến trong thời đại phát triển công nghệ thông tin, thương mại điện tử.

Do vậy, trong thời gian tới, để đẩy mạnh các hoạt động kết nối cung cầu hàng hóa và phát triển thị trường phát huy các thế mạnh của các tỉnh, tạo cơ hội cho phát triển kinh tế - xã hội, trong thời gian đến cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước:

- + Đổi mới và đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại; tư vấn, hỗ trợ cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong việc xây dựng nhãn hiệu, bao bì, phát triển thương hiệu, quảng bá sản phẩm, kết hợp với xu thế phát triển của thương mại điện tử. Phát huy vai trò cầu nối, giới thiệu, liên kết hợp tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giữa các doanh nghiệp thương mại và người sản xuất; giới thiệu sản phẩm hàng hóa tham gia vào chuỗi cung cấp hàng hóa của các nhà phân phối, các hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi của tỉnh, khu vực Miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

- + Phối hợp chặt chẽ giữa các tỉnh, thành trong khu vực và cả nước để tổ chức hội nghị kết nối cung cầu, tránh tổ chức trùng hoặc sát thời gian nhau, nghiên cứu tổ chức liên kết theo nhóm ngành, lĩnh vực có lợi thế của các địa phương nhằm nâng cao hiệu quả kết nối.

- + Nghiên cứu thay đổi hình thức tổ chức kết nối cung cầu cho phù hợp, trong đó hội nghị kết nối cung cầu nên có nội dung tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp trong việc phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu,...

- Đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất:

- + Tăng cường nâng cao năng lực quản trị của doanh nghiệp. Tập trung sản xuất và kinh doanh đối với những sản phẩm, lĩnh vực mà doanh nghiệp có lợi thế. Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

- + Liên kết chặt chẽ với các nhà sản xuất để tạo nguồn hàng ổn định và kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào. Đồng thời, tăng cường liên kết trong kinh doanh, đặc biệt là liên kết giữa các doanh nghiệp có cùng ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh để hỗ trợ, bổ sung nguồn lực.

- + Không ngừng đầu tư đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã, bao bì đóng gói, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Chú trọng việc xây dựng và phát triển thương hiệu cho sản phẩm, ổn định chất lượng sản phẩm, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp, các siêu thị nhà

phân phối để từng bước tham gia vào chuỗi cung ứng thị trường trong nước và quốc tế. Tìm hiểu thị trường, tùy theo năng lực, tài chính để chọn kênh phân phối phù hợp.

- Đối với các nhà phân phối:

- + Quan tâm và ưu tiên hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm trong nước; tăng cường công tác tuyên truyền quảng bá sản phẩm để giúp người tiêu dùng biết và sử dụng.

- + Hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất trong nước thực hiện đúng các quy định về chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của nhà phân phối để cung cấp cho người tiêu dùng.

Trên đây là nội dung tham luận về giải pháp đẩy mạnh kết nối cung cầu hàng hóa và phát triển thị trường của Sở Công Thương tỉnh Phú Yên./.

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÁC DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ, ĐIỆN MẶT TRỜI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN

Sở Công Thương tỉnh Phú Yên

Kính thưa quý vị đại biểu !

Kính thưa Hội nghị !

Hiện nay, việc cung ứng năng lượng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đang và sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là sự cạn kiệt dần nguồn nhiên liệu hóa thạch: than đá, dầu mỏ, khí đốt ... ; mặt khác, trong quá trình sử dụng nhiên liệu hóa thạch sẽ gây ô nhiễm môi trường. Do vậy, để bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia thì việc phát triển nguồn năng lượng tái tạo mà Việt Nam có tiềm năng, trong đó có điện gió, điện mặt trời được coi là một trong những giải pháp phát triển bền vững và đang được Chính phủ khuyến khích đầu tư.

Phú Yên là tỉnh nằm ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ, có địa hình thấp dần từ Tây sang Đông, nhiệt độ trung bình 27°C , lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1.800mm, giờ nắng trung bình khoảng 2.467 giờ, cường độ bức xạ trung bình ngày $5,38 \text{ kwh/m}^2/\text{ngày}$, độ ẩm không khí trung bình 80%, tốc độ gió trung bình 5-7m/s. Với điều kiện địa hình và khí hậu như vậy, Phú Yên là một trong những tỉnh được đánh giá có tiềm năng phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời. Đồng thời, theo quy hoạch phát triển Năng lượng tái tạo vùng Trung Bộ đến năm 2020 có xét đến năm 2030 đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 5133/QĐ-BCT ngày 05/9/2012, thì tỉnh Phú Yên có tiềm năng năng lượng gió ở độ cao 65m là $475,33 \text{ kwh/m}^2$, tiềm năng năng lượng mặt trời là 2.080,8MW.

Triển khai thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam và số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam; căn cứ các chỉ số tiềm năng về địa hình và khí hậu hiện có của tỉnh, thời gian qua UBND tỉnh Phú Yên đã chủ trương thu hút đầu tư các dự án điện gió, điện mặt trời vào địa bàn tỉnh. Kết quả đã có những bước phát triển đáng ghi nhận như sau:

- Về năng lượng gió:

Theo Quy hoạch tiềm năng năng lượng gió để phát điện do Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 lập năm 2007, tỉnh Phú Yên có 07 địa điểm có tiềm năng gió có khả năng phát triển dự án điện gió như: xã Đa Lộc, huyện Đồng Xuân; xã Xuân Hải, Xuân Hòa, Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu; xã Sơn Hội, Phước Tân, huyện Sơn Hòa; xã EaBar, huyện Sông Hinh. Trên cơ sở này, Sở Công Thương đã giới thiệu Nhà đầu tư tiếp cận nghiên cứu, khảo sát đo gió và lập bổ sung quy hoạch. Ngoài ra còn có một số địa điểm khác do Nhà đầu tư chủ động lựa chọn và đề xuất UBND tỉnh cho phép nghiên cứu khảo sát đo gió.

Đến nay, đã có 02 dự án điện gió với tổng công suất 350MW được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực quốc gia là dự án Nhà máy điện gió xanh Sông Cầu (150MW) do Công ty TNHH Năng lượng xanh Sông Cầu làm chủ đầu tư và dự án Trang trại phong điện HBRE An Thọ (200MW) do Công ty TNHH HBRE Phú Yên làm chủ đầu tư. Hiện Nhà đầu tư đang hoàn tất các thủ tục liên quan theo quy định để trình UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án. Ngoài ra, còn 06 dự án được UBND tỉnh cho phép Nhà đầu tư tiếp cận, nghiên cứu, khảo sát đo gió để lập bổ sung quy hoạch: Dự án điện gió của Công ty cổ phần Repco (tại các xã An Thọ, An Lĩnh, huyện Tuy An); Dự án điện gió của Công ty cổ phần TNHH Tân An (tại xã EaBar, huyện Sông Hinh); Dự án điện gió của Công ty cổ phần đầu tư HD (tại các xã An Lĩnh, An Xuân, An Thọ, huyện Tuy An); Dự án điện gió của Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô (tại các xã Xuân Lãnh, Đa Lộc, huyện Đồng Xuân); Dự án điện gió của Công ty cổ phần Halcom Việt Nam (tại xã Đa Lộc, huyện Đồng Xuân); Dự án điện gió của Công ty cổ phần Kiến Á (tại các xã Sơn Long, Sơn Xuân, huyện Sơn Hòa).

- Về năng lượng mặt trời:

Để định hướng thu hút đầu tư các dự án điện mặt trời vào địa bàn tỉnh, UBND Tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành và địa phương liên quan khảo sát lựa chọn và tham mưu UBND tỉnh ban hành Danh mục các địa điểm có tiềm năng để giới thiệu Nhà đầu tư tiếp cận nghiên cứu, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch. Đến nay, đã có 07 dự án điện mặt trời được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đồng ý bổ sung quy hoạch phát triển điện lực, với tổng công suất 656MWp. Cụ thể: Dự án nhà máy điện mặt trời Hòa Hội công suất 257MWp, đầu tư tại xã Hòa Hội, huyện Phú Hòa; Dự án nhà máy điện mặt trời Xuân Thọ 1 công suất 49,6MWp, đầu tư tại xã Xuân Thọ 1, thị xã Sông Cầu; Dự án nhà máy điện mặt trời Xuân Thọ 2 công suất 49,6MWp, đầu tư tại xã Xuân Thọ 2, thị xã Sông Cầu; Dự án Nhà máy điện mặt trời Europlast Phú Yên công suất 50MWp, Dự án nhà máy điện mặt trời Thịnh Long - AAA Phú Yên công suất 50MWp, Dự án nhà máy điện mặt trời Thành Long Phú Yên công suất 50MWp, đầu tư tại xã Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa; Dự án nhà máy điện mặt trời xanh Sông Cầu công suất 150MWp, đầu tư tại xã Xuân Hải, Xuân Hòa thị xã Sông Cầu.

Ngoài ra, còn 09 dự án điện mặt trời đã được UBND tỉnh có văn bản trình Bộ Công Thương thẩm định nhưng chưa được phê duyệt bổ sung quy hoạch phát triển điện lực.

Kính thưa các quý vị đại biểu !

Thưa hội nghị !

Đối với các dự án điện mặt trời, sau khi dự án được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đồng ý bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực và được UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt chủ trương đầu tư, các Nhà đầu tư đã nỗ lực triển khai dự án theo tiến độ đã cam kết với UBND tỉnh và Bộ Công Thương. Quá trình triển khai dự án, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành và địa phương

phối hợp hỗ trợ chủ đầu tư hoàn tất các thủ tục về đầu tư xây dựng, đất đai, môi trường, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng,... và kịp thời xử lý các vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ dự án.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, tuy có những khó khăn nhất định trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng...; song với sự nỗ lực, quyết tâm cao của chủ đầu tư và sự hỗ trợ tích cực từ các Sở, ngành, các cấp chính quyền địa phương, đến nay đã có 05 dự án với tổng công suất 456MWp đã hoàn thành phát điện thương mại đúng tiến độ đã cam kết với UBND tỉnh, Bộ Công Thương (trước ngày 30/6/2019) và được gắn Biển công trình chào mừng kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh Phú Yên (01/7/2019).

Việc sớm đưa các dự án vào hoạt động đã góp phần phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, bổ sung nguồn điện cho hệ thống điện quốc gia và tạo việc làm cho lao động địa phương.

Kính thưa các quý vị đại biểu !

Thưa hội nghị !

- Đối với dự án điện mặt trời: Hiện nay, Bộ Công Thương đang dự thảo Quyết định sửa đổi Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam, theo đó dự thảo xây dựng phân chia giá bán điện theo nguyên tắc vùng có bức xạ cao thì giá điện thấp và ngược lại vùng có bức xạ thấp thì giá điện cao là chưa phù hợp vì sẽ không thu hút được đầu tư theo định hướng phát triển điện mặt trời của Chính phủ. Vì vậy, Sở Công Thương kiến nghị không đưa những tỉnh có tiềm năng phát triển vào vùng có giá điện thấp.

- Đối với dự án điện gió: Hiện nay, qua thực tiễn thu hút đầu tư các dự án điện gió vào địa bàn tỉnh, có trường hợp tại một địa điểm tiềm năng có nhiều Nhà đầu tư cùng đề xuất nghiên cứu đầu tư dự án, việc này khó khăn cho địa phương trong quá trình lựa chọn Nhà đầu tư có năng lực để thực hiện nghiên cứu đầu tư dự án. Vì vậy, Sở Công Thương kiến nghị Bộ Công Thương sớm xây dựng cơ chế đấu giá phát triển điện gió trình Thủ tướng Chính phủ ban hành để áp dụng lựa chọn Nhà đầu tư.

Cuối cùng, một lần nữa cho phép Tôi thay mặt Sở Công Thương Phú Yên kính chúc các đồng chí Lãnh đạo, quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong cuộc sống.

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

TIỀM NĂNG, LỢI THẾ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG CỦA TỈNH NINH THUẬN

Sở Công Thương tỉnh Ninh Thuận

Kính thưa Quý Đại biểu!

Tỉnh Ninh Thuận thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, có địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam và là vùng đất cuối cùng của dãy Trường Sơn, với nhiều dãy núi đâm ra biển; toàn bộ diện tích của tỉnh được bao bọc bởi 3 mặt núi. Khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình với đặc trưng khô nóng, gió nhiều, bốc hơi mạnh, nhiệt độ trung bình hàng năm từ 26⁰-27⁰C, lượng mưa trung bình 700-800 mm ở Phan Rang và tăng dần đến trên 1.100 mm ở miền núi, độ ẩm không khí từ 75-77%. Số giờ nắng trung bình trong năm từ 2.542 - 3.090 giờ. Với đặc thù là một tỉnh ven biển miền Trung, có số giờ nắng và tốc độ gió lớn so với cả nước, Ninh Thuận đang được xem là địa phương có nhiều lợi thế để phát triển ngành công nghiệp năng lượng, nhất là năng lượng mặt trời và năng lượng gió...

Dựa trên tiềm năng sẵn có và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1222/QĐ-TTg ngày 22/12/2011, tỉnh Ninh Thuận đã triển khai lập Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 2574/QĐ-BCT ngày 23/4/2013; và Dự thảo Quy hoạch điện mặt trời trên địa bàn tỉnh (đã trình Bộ Công Thương); ngoài ra, chủ trương của Quốc hội về tạm dừng việc xây dựng 2 nhà máy điện hạt nhân ở Ninh Thuận và Nghị quyết 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về việc thực hiện một số *cơ chế, chính sách đặc thù* để phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2018-2023, trong đó chấp thuận chủ trương phát triển tỉnh Ninh Thuận trở thành trung tâm năng lượng tái tạo của cả nước; đã tạo ra những cơ hội hơn trong thu hút đầu tư và động lực thúc đẩy các dự án năng lượng gấp rút triển khai thực hiện hoàn thành tiến độ đặt ra. Tính đến nay toàn tỉnh đã có 81 dự án (điện mặt trời, điện gió, thủy điện) cấp chủ trương khảo sát, trong đó: đã có 50 dự án cấp quyết định đầu tư (31 dự án điện mặt trời, 14 dự án điện gió và 5 dự án thủy điện); cụ thể:

-Năng lượng điện gió: Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Bộ Công thương phê duyệt tại Quyết định số 2574/QĐ-BCT ngày 23/4/2013, theo đó Ninh Thuận có 05 khu vực được quy hoạch, với tổng diện tích 21.432 ha, công suất dự kiến 1.429 MW. Đến nay, tỉnh đã cấp chủ trương khảo sát cho 19 dự án đăng ký, với quy mô công suất 1.162,51 MW; trong đó: đã cấp Quyết định chủ trương đầu

tư cho **14 dự án** với tổng quy mô công suất 749,53 MW, tổng vốn đầu tư trên 29.400 tỷ đồng. Hiện nay có 05 dự án đã khởi công, trong đó 03 dự án³ đã hoàn thành và đưa vào vận hành thương mại với tổng công suất 116,925 MW.

- **Năng lượng mặt trời:** Theo dự thảo quy hoạch điện mặt trời tỉnh Ninh Thuận (đã trình Bộ Công Thương), dự kiến quy mô công suất đến năm 2030 khoảng 8.442MW. Đến nay, tỉnh Ninh Thuận đã chấp thuận chủ trương để các nhà đầu tư khảo sát, lập hồ sơ bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực quốc gia/tỉnh gồm **55 dự án** với tổng công suất 3.618,34MW; trong đó: cấp Quyết định chủ trương đầu tư cho **31 dự án** với tổng công suất **1.816,78MW**, *tổng vốn đăng ký 50.117,65 tỷ đồng*; dự kiến đến cuối tháng 8/2019, có 17 dự án đi vào vận hành với tổng quy mô công suất 1.143MW, đến năm 2020 tiếp tục có 14 dự án đi vào vận hành với tổng công suất 673,78MW.

- **Thủy điện:** tỉnh đã cấp chủ trương khảo sát cho 7 dự án và đã bổ sung quy hoạch phát triển điện lực, quy mô công suất 1.429,8 MW; trong đó: 05 dự án⁴ đã được tỉnh cấp chủ trương đầu tư với quy mô công suất 209,8 MW, hiện các dự án đang triển khai đầu tư. Ngoài ra, tỉnh Ninh Thuận đang triển khai các thủ tục đầu tư dự án thủy điện tích năng Bác Ái 1.200MW.

- **Điện khí:** Thực hiện chủ trương của Chính phủ về phát triển tổ hợp điện khí Cà Ná với quy mô phù hợp (tại Nghị quyết 115/NQ-CP); tỉnh Ninh Thuận đã thuê tư vấn lập, hoàn thiện hồ sơ bổ sung Quy hoạch Trung tâm điện lực Cà Ná, với quy mô công suất khoảng 6.000 MW, gửi Bộ Công Thương thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung vào điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030. Hiện nay, Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt.

Kính thưa Quý đại biểu!

Thực hiện chủ trương Phát triển Ninh Thuận trở thành Trung tâm Năng lượng tái tạo của cả nước (chủ yếu điện gió, điện mặt trời); Ninh Thuận đang được hưởng nhiều ưu đãi hỗ trợ từ chính phủ như: kéo dài giá bán điện mặt trời, đầu tư hạ tầng truyền tải,...Tuy nhiên, quá trình triển khai cụ thể hóa các cơ chế, chính sách để hưởng ưu đãi, song song những thuận lợi, tỉnh còn gặp những vướng mắc khó khăn cần có giải pháp kịp thời; cụ thể như:

Một là: Vướng mắc về hạ tầng lưới điện, giải tỏa công suất các dự án năng lượng tái tạo.

- Các dự án điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận tập trung hoàn thành vào thời điểm cuối tháng 5-6/2019, việc tiến hành thử nghiệm và cấp

³ (1) Nhà máy điện gió Trung Nam công suất giai đoạn 1 (39,95MW); (2) Nhà máy điện gió Đàm Nại công suất 39,375MW; (3) Nhà máy điện gió Mũi Dinh công suất 37,6MW.

⁴ (1) thủy điện Tân Mỹ (10MW); thủy điện Tân Mỹ 2 (14MW); thủy điện Mỹ Sơn (20MW); Thủy điện Thượng Sông Ông 1(5,8MW); Thủy điện Đa Nhim mở rộng (160MW)

chứng nhận vận hành thương mại (COD) cho các dự án điện mặt trời trong khoảng thời gian ngắn là thách thức đối với các đơn vị quản lý vận hành hệ thống điện; nhiều dự án điện mặt trời vận hành cùng lúc sẽ làm quá tải hệ thống truyền dẫn, có thể gây mất ổn định hệ thống điện, gây tụt áp, rã lưới,... do đó tại thời điểm này, hầu hết các dự án đều không thể phát hết công suất mà phải tuân thủ theo sự điều độ của EVN.

- Vấn đề giải phóng công suất 2.000 MW điện năng lượng mặt trời để hưởng chính sách giá điện đến hết năm 2020 (tại chủ trương Nghị quyết 115/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ), còn nhiều khó khăn thách thức cần được tháo gỡ kịp thời. Qua rà soát hiện trạng lưới điện hiện hữu của khu vực tỉnh Ninh Thuận chưa đáp ứng nhu cầu giải tỏa công suất dự án năng lượng; Việc này, tỉnh Ninh Thuận cùng Bộ, ngành trung ương liên quan tham mưu Chính phủ điều chỉnh bổ sung vào Quy hoạch điện VII điều chỉnh danh mục lưới điện truyền tải đầu nối các dự án điện mặt trời; tuy nhiên các công trình lưới điện đầu tư mới được bổ sung quy hoạch để giải phóng lượng công suất các nhà máy điện mặt trời đều dự kiến triển khai sau năm 2020 (do thiếu vốn ngân sách đầu tư).

Theo Luật điện lực, trách nhiệm đầu tư hệ thống truyền tải thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), không cho Doanh nghiệp Tư nhân tham gia. Tuy nhiên, lãnh đạo tỉnh Ninh Thuận đã chủ động đề xuất và Bộ Công Thương cùng EVN đã đồng tình giải pháp để nhà đầu tư dự án năng lượng tái tạo tính toán, gắn với đầu tư hệ thống lưới điện truyền tải; khi hoàn thành nhà đầu tư sẽ chuyển giao lại phần hạ tầng truyền tải cho EVN quản lý, khai thác. Vấn đề này, hiện nay tỉnh đã cùng Bộ Công Thương tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét thống nhất chủ trương để thực hiện.

Hai là: Vướng mắc về thực hiện Luật Quy hoạch:

Ngoài các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ/Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia/Tỉnh, hiện nay UBND tỉnh Ninh Thuận đang trình hồ sơ lên Bộ Công Thương thẩm định, phê duyệt bổ sung vào Quy hoạch 24 dự án điện mặt trời. Đến nay các dự án này vẫn chưa được phê duyệt, một phần do hạ tầng đầu nối lưới điện khu vực của tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận không còn khả năng hấp thụ thêm công suất, phần khác do vướng Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14.

Nhìn chung, dự án được trình hồ sơ lên Bộ Công Thương đề nghị phê duyệt, bổ sung Quy hoạch vào thời điểm Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể, việc thực hiện Luật Quy hoạch còn nhiều vướng mắc (về trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch; phạm vi Quy hoạch, thẩm quyền lập và thẩm định; về tiến độ); Luật Quy hoạch, chưa xác định rõ phạm vi nguồn và lưới điện được tích hợp trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và Quy hoạch tỉnh; gây khó khăn cho việc thẩm định,

điều chỉnh bổ sung Quy hoạch nhất là đối với các dự án nguồn điện có công suất đến 50MW và lưới điện cấp điện áp 110kV trở xuống; nên việc bổ sung các dự án vào Quy hoạch phát triển điện lực bị kéo dài và đình trệ.

Thưa quý đại biểu!

Để khai thác hiệu quả tiềm năng lợi thế của địa phương nhằm thúc đẩy phát triển ngành năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo chủ trương Nghị quyết của Chính phủ “Phát triển Ninh Thuận thành Trung tâm năng lượng tái tạo của cả nước” nhằm thu hút, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển ngành công nghiệp năng lượng trở thành ngành kinh tế quan trọng, tác động thúc đẩy phát triển công nghiệp tỉnh và kinh tế-xã hội tỉnh nhà. Giải pháp của tỉnh đã triển khai thực hiện trong thời gian qua như sau:

Một là: Kiến nghị Bộ Công Thương xem xét điều chỉnh tiến độ đầu tư một số công trình truyền tải 500kV, 220kV trước năm 2020 và chỉ đạo Tập đoàn điện lực Việt Nam bố trí vốn để đẩy nhanh thi công, hoàn thành các dự án truyền tải trước năm 2020 nhằm tạo điều kiện thuận lợi giải tỏa công suất 2.000 MW các dự án điện mặt trời trên địa bàn tỉnh đưa vào vận hành để hưởng cơ chế chính sách giá điện theo Quyết định 11/2017/QĐ-TTg.

Hai là: tiếp tục kiến nghị đầu tư hạ tầng lưới điện truyền tải: tỉnh đã phối hợp với Bộ Công Thương kiến nghị Thủ tướng cho phép chủ trương nhà đầu tư dự án năng lượng tái tạo kết hợp đầu tư hệ thống lưới điện truyền tải để giải tỏa công suất điện năng lượng (trường hợp EVN không cân đối nguồn vốn đầu tư hệ thống lưới điện truyền tải); sau khi hoàn thành đầu tư hạ tầng lưới điện truyền tải nhà đầu tư sẽ thực hiện thủ tục bàn giao cho EVN quản lý, vận hành.

Ba là: Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định điều chỉnh Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài thời gian được hưởng giá điện đến hết năm 2020 đối với các dự án năng lượng mặt trời và hạ tầng đấu nối công suất thiết kế 2.000MW đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận để các Bộ, ngành chức năng và EVN làm căn cứ thực hiện.

Bốn là: Tiếp tục kiến nghị Thủ tướng Chính phủ sớm xem xét phê duyệt bổ sung dự án Trung tâm điện lực Cà Ná vào điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2030; nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh xúc tiến kêu gọi đầu tư dự án điện khí trên địa bàn tỉnh.

Năm là: Tập trung triển khai chủ trương xây dựng Đề án “Phát triển Ninh Thuận trở thành Trung tâm năng lượng tái tạo của cả nước” và các cơ chế, chính sách liên quan làm cơ sở thu hút nguồn lực đầu tư phát triển các dự án sản xuất năng lượng tái tạo, các dự án chế tạo thiết bị, nghiên cứu phát triển công nghệ mới phục vụ ngành năng lượng tái tạo...

Kính thưa Quý Đại biểu!

Trong xu thế các nước đang có xu hướng tìm nguồn năng lượng sạch để thay thế các nguồn năng lượng hóa thạch, dầu mỏ đang ngày càng khan hiếm đồng thời với việc ô nhiễm môi trường do đốt nhiên liệu gây ra. Tỉnh Ninh Thuận với tiềm năng lợi thế về phát triển nguồn nguyên liệu sạch (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, thủy điện, điện khí) và các vướng mắc khó khăn được Chính phủ, Bộ ngành liên quan tháo gỡ kịp thời; tỉnh Ninh Thuận sẽ triển khai thực đồng bộ các giải pháp, để xây dựng Ninh Thuận trở thành trung tâm năng lượng của cả nước, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Cuối cùng, xin kính chúc Quý vị đại biểu sức khỏe; Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp! Xin trân trọng cảm ơn./.

PHÁT TRIỂN CÁC SẢN PHẨM ĐẶC THÙ CỦA TỈNH NINH THUẬN

Sở Công Thương tỉnh Ninh Thuận

Kính thưa hội nghị!

Ninh Thuận - một tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ, được mệnh danh là vùng đất của “**Nắng và gió**”. Ninh Thuận có khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình với đặc trưng khô nóng, gió nhiều, bốc hơi mạnh, nhiệt độ trung bình hàng năm từ 26-27⁰C, lượng mưa trung bình 700-800mm ở Phan Rang và tăng dần đến trên 1.100mm ở miền núi, độ ẩm không khí từ 75-77%. Năng lượng bức xạ lớn 160 Kcal/cm². Tổng lượng nhiệt 9.500– 10.000⁰C. Thời tiết có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 9 - 11; mùa khô từ tháng 12 - 9 năm sau. Với những điều kiện khí hậu, đất đai, thổ nhưỡng khá riêng biệt đã tạo cho Ninh Thuận những thế mạnh, đặc thù trong phát triển năng lượng, kinh tế biển...; phù hợp cho sinh trưởng và phát triển các loại cây và con có tính đặc thù cao.

Vừa qua, Ninh Thuận đã công bố quyết định công nhận 12 sản phẩm đặc thù của địa phương giai đoạn 2018-2020. Để được công nhận là sản phẩm đặc thù, các mặt hàng phải đáp ứng 8 tiêu chí như: lịch sử phát triển, danh tiếng, chất lượng đặc thù, quy mô thị trường, sản lượng và quy mô phát triển, sản phẩm an toàn và thân thiện với môi trường... Trong số 12 sản phẩm đặc thù của tỉnh, có 6 sản phẩm cây trồng là nho, táo, măng tây, tỏi, nha đam, rong sụn; 3 sản phẩm vật nuôi đặc thù là tôm giống, cừu, dê; 3 sản phẩm làng nghề đặc thù là nước mắm Cà Ná, thổ cẩm Mỹ Nghiệp và gốm Bàu Trúc. Ngoài ra, có 3 sản phẩm tiềm năng đặc thù khác gồm heo đen, bò vàng và trái cây Ninh Sơn.

Đây là những sản phẩm nông nghiệp có lợi thế cạnh tranh trên thị trường đang được tỉnh Ninh Thuận tập trung đầu tư, phát triển theo chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa gắn với hoạt động du lịch. Tỉnh Ninh Thuận công nhận các sản phẩm đặc thù nhằm tiếp tục có chính sách hỗ trợ phát triển những sản phẩm này như: đẩy mạnh liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ, xây dựng các điểm giới thiệu, bán sản phẩm, phát triển những tour du lịch tham quan quy trình sản xuất, chế biến...

Kính thưa quý đại biểu, thưa Hội nghị!

Thực tiễn phát triển các sản phẩm đặc thù tỉnh Ninh Thuận trong thời gian qua gặp không ít khó khăn: Hoạt động hỗ trợ ứng dụng và đổi mới công nghệ đối với các doanh nghiệp gặp khó khăn trong nguồn vốn đối ứng (*đa số các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ nên không mạnh dạn đầu tư*); năng lực, nhân lực tổ chức quản lý, phát triển thương hiệu các sản phẩm đặc thù của Chủ sở hữu các chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận vẫn còn hạn chế; việc tổ chức kết nối, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đặc thù còn khó khăn do sản lượng thiếu ổn định (*đa số sản xuất manh mún, chưa tập trung thành vùng sản xuất hàng hóa*), chất lượng sản phẩm chưa đồng đều,...

Nhằm tạo điều kiện để kết nối, khai thác và tiêu thụ các sản phẩm của tỉnh, những năm qua tỉnh Ninh Thuận đã triển khai thực hiện nhiều chương trình, hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại nhằm hỗ trợ về sản xuất, chế biến và đẩy mạnh quảng bá, giới thiệu các sản phẩm đặc thù của tỉnh ra thị trường cả nước thông qua các hội nghị kết nối cung – cầu hàng hóa, hội chợ triển lãm, khảo sát thị trường liên kết tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ tham gia các lớp tập huấn, hội thảo, hỗ trợ máy móc thiết bị tiên tiến... đã giúp cho các sản phẩm đặc thù của tỉnh đến gần hơn với người tiêu dùng trên cả nước. Đến nay, các sản phẩm đặc thù của tỉnh đã có mặt trong hệ thống các siêu thị Co.opMart; Vinmart, BigC, Lotte... chợ đầu mối tại các tỉnh, thành phố trong cả nước và các cửa hàng tiện lợi tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh - đây là kênh phân phối rất uy tín hiện nay, đã tạo được lòng tin của người tiêu dùng tại các nơi có sản phẩm của tỉnh. Từ đó, đã đem lại hiệu quả, cải thiện thu nhập, đời sống cho người dân tỉnh Ninh Thuận.

Để đẩy mạnh liên kết sản xuất, tiêu thụ ổn định sản phẩm đặc thù của tỉnh, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, tỉnh Ninh Thuận đã và đang triển khai nhiều giải pháp:

Tiếp tục hỗ trợ liên kết hình thành chuỗi cung ứng – tiêu thụ sản phẩm đặc thù, đưa sản phẩm đặc thù vào tiêu thụ tại hệ thống chợ đầu mối, các cửa hàng, siêu thị và các kênh phân phối khác: Việc hỗ trợ được thực hiện theo hướng tập trung, đồng bộ, từ khâu nghiên cứu ứng dụng mô hình, cải tiến công nghệ, ứng dụng công nghệ mới cải tiến mẫu mã sản phẩm, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trong sản xuất, mã số, mã vạch, tem điện tử thông minh đến xây dựng thương hiệu, quảng bá kết nối cung cầu sản phẩm, thương mại hóa sản phẩm.

Bên cạnh đó, tỉnh đang đẩy mạnh phát triển theo chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa gắn với hoạt động du lịch. Xác định du lịch là kênh quảng bá hữu hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp đặc thù của tỉnh, một trong những hình thức tiêu thụ sản phẩm nông sản tại chỗ hiệu quả, tỉnh Ninh Thuận đang đẩy mạnh đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng tại các địa phương có tiềm năng về phát triển du lịch nông nghiệp. Bên cạnh đó, tăng cường liên kết giữa các công ty du lịch và nhà vườn, khuyến khích, hỗ trợ mô hình khởi nghiệp về du lịch nông nghiệp, tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm đặc thù từ khâu sản xuất đến khi đưa ra thị trường tiêu thụ. Để nâng cao giá trị, quảng bá cho sản phẩm của ngành nông nghiệp, những năm qua, tỉnh đã xây dựng và phát triển các loại hình du lịch nông nghiệp trải nghiệm. Nhiều mô hình đang trở thành thương hiệu du lịch nổi tiếng của địa phương như: các tour tham quan vườn nho ở làng nho Thái An (huyện Ninh Hải); các trang trại nho, táo (huyện Ninh Phước); vườn trái cây sinh thái Lâm Sơn (huyện Ninh Sơn); tham quan, chụp ảnh cánh đồng chăn cừu An Hòa, Phước Trung (huyện Ninh Hải, Bác Ái); mô hình khu du lịch văn hóa sinh thái hồ sen gắn với tìm hiểu văn hóa, ẩm thực đồng bào Chăm (huyện Ninh Phước). Để tạo thuận tiện cho du khách có nhu cầu tham quan, mua sắm, Ninh Thuận đã và đang triển khai xây dựng các điểm giới thiệu, bán sản phẩm đặc thù, triển khai ứng dụng dán “Tem điện tử thông

minh” truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm đặc thù, kết nối quảng bá sản phẩm nông nghiệp đặc thù gắn với quảng bá du lịch tại các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Yêu cầu đối với đơn vị sản xuất:

- Liên kết trong sản xuất: Thời kỳ cạnh tranh kinh tế thị trường, cần phải có sản phẩm khối lượng lớn, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng; giao hàng đúng lúc, giá thành cạnh tranh... Người sản xuất cá thể khó có thể làm được điều này, nên phải tổ chức liên kết, hợp tác trong sản xuất, "hành động tập thể" theo quy trình sản xuất chung. Quy trình sản xuất, thu hoạch, bảo quản và thương mại phải được thiết lập trên cơ sở yêu cầu của doanh nghiệp, thị trường về khối lượng cung ứng, chất lượng hàng hóa... Do đó, người sản xuất cần liên kết lại bằng cách tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã. Từ đó, sản xuất theo các khu sản xuất tập trung, thông qua hoạt động của Tổ hợp tác, Hợp tác xã sẽ giúp giảm chi phí sản xuất, chi phí giao dịch, tăng khả năng tiếp cận với công nghệ, nguồn lực sản xuất và thị trường mới; tăng vị thế đàm phán và khả năng cạnh tranh; nâng cao năng lực về tổ chức và kiến thức nhờ vào sự chia sẻ kinh nghiệm trong nhóm; chia sẻ rủi ro. Liên kết sản xuất để đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường.

- Lựa chọn, áp dụng các tiên bộ kỹ thuật và sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm. Áp dụng các quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn (VietGap, GlobalGap...) và các quy định có liên quan trong các khâu: tổ chức quản lý sản xuất, định hướng thị trường, đổi mới quy trình công nghệ trong sản xuất, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản... Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong việc bảo quản sản phẩm nông sản từ đó giảm tỷ lệ hao hụt sau thu hoạch.

- Chủ động nghiên cứu thị trường, tìm đầu ra cho sản phẩm: để giảm thiểu tiến tới loại bỏ các rủi ro trong sản xuất kinh doanh đòi hỏi cần phải có những thay đổi căn bản cả về nhận thức lẫn hoạt động. Đơn vị sản xuất cần chủ động tham gia nghiên cứu thị trường là một trong những giải pháp để giảm thiểu rủi ro. Để làm được điều này, đòi hỏi các nhà sản xuất cần chủ động tìm kiếm và tiếp cận thông tin, đặc biệt là các quy định liên quan đến các yêu cầu mới của thị trường.

- Cần chủ động hơn trong đầu tư xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu: nhu cầu về các sản phẩm đặc thù của tỉnh trên thị trường tương đối lớn; tuy nhiên, vẫn còn một số lượng lớn người tiêu dùng chưa biết đến sản phẩm của tỉnh. Có nhiều nguyên nhân khiến sản phẩm của tỉnh chưa đến được với người tiêu dùng, trong đó việc xây dựng, quảng bá thương hiệu cho sản phẩm hàng hóa cần quan tâm nhiều hơn.

Yêu cầu đối với đơn vị phân phối

- Hỗ trợ người sản xuất về nguyên liệu sản xuất, công nghệ sản xuất, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch và ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm của người sản xuất sau khi thu hoạch nhằm ổn định sản phẩm đầu ra cho người sản xuất;

- Hướng dẫn, hỗ trợ người sản xuất thực hiện các quy trình và các chứng nhận có liên quan để sản phẩm được sản xuất theo đúng yêu cầu của nhà phân phối;

- Quan tâm và ưu tiên hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm đặc thù của địa phương; Tăng cường quảng bá sản phẩm đặc thù địa phương giúp người tiêu dùng biết và sử dụng sản phẩm.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước

- Tham mưu chuẩn bị tốt các nguồn lực để triển khai chính sách ưu đãi, hỗ trợ thực hiện liên kết theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Triển khai thực hiện tốt Quy hoạch vùng sản xuất tập trung các sản phẩm đặc thù trên địa bàn tỉnh.

- Thông tin, dự báo thị trường: Xây dựng bản tin cơ hội thị trường nhằm cung cấp thông tin giá cả, tình hình thị trường sản phẩm hàng hóa cho người dân biết và kịp thời cập nhật thông tin phục vụ cho việc tiêu thụ hàng hóa.

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu: Tiếp tục quan tâm hỗ trợ các đơn vị sản xuất, phân phối trong tiêu thụ sản phẩm đặc thù của tỉnh thông qua các hội nghị kết nối cung – cầu, khảo sát thị trường, hội chợ, triển lãm.

- Tiếp tục hỗ trợ xây dựng, phát triển điểm kinh doanh và giới thiệu quảng bá sản phẩm đặc thù của tỉnh.

- Hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu, nhãn hiệu: Phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan tăng cường công tác tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân, lựa chọn cây, con giống để chuyển giao cho nông dân và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân làm theo; đồng thời, hỗ trợ nông dân nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, chú trọng về vệ sinh an toàn thực phẩm và phối hợp với nông dân sản xuất sản phẩm đạt chuẩn VietGap, GlobalGap,... đáp ứng tiêu chuẩn hàng hóa đưa vào hệ thống phân phối hiện đại và hướng tới xuất khẩu.

Trên đây là nội dung tham luận của Sở Công Thương tỉnh Ninh Thuận về thế mạnh, đặc thù của tỉnh Ninh Thuận “Phát triển các sản phẩm đặc thù của địa phương”.

Xin trân trọng cảm ơn quý đại biểu đã chú ý lắng nghe. Kính chúc quý vị đại biểu dồi dào sức khỏe. Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

TIỀM NĂNG LỢI THẾ CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN VỪA VÀ NHỎ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN

Sở Công Thương tỉnh Kon Tum

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kon Tum là tỉnh miền núi, biên giới nằm ở Bắc Tây Nguyên, được tái thành lập vào tháng 8-1991 (tách ra từ tỉnh Gia Lai-Kon Tum). Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía Nam giáp tỉnh Gia Lai, phía Đông giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Tây giáp các tỉnh Attapur, Sê Kông (nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào) và tỉnh Ratanakiri (Vương quốc Campuchia), với đường biên giới dài 292,5 km (giáp Lào 154,2 km, giáp Campuchia 138,3 km). Kon Tum có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, 102 đơn vị hành chính cấp xã (trong đó có 13 xã biên giới), diện tích 9.674,2 km², diện tích rừng Kon Tum chiếm 2/3 diện tích tự nhiên, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông phát triển (*trên 4 nghìn km đường giao thông*); việc phát triển ngành năng lượng đã góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế- xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh. Với địa hình đồi núi chia cắt, có độ dốc cao, cùng với mạng lưới sông, suối và khe nhỏ dày đặc, kết hợp với việc ảnh hưởng do gió mùa tác động đến hai vùng đông, tây dãy Trường Sơn nên thường mưa nhiều, lượng mưa hàng năm cao hơn so với các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên, thuận lợi cho việc cho phát triển thủy điện vừa và nhỏ.

II. Tiềm năng, lợi thế:

Trên địa bàn tỉnh Kon Tum hiện nay có các thủy điện lớn như thủy điện Plei Krông (100MW); có 5 nhà máy thủy điện liên tỉnh giữa Kon Tum – Gia Lai , với công suất 1.511 MW gồm thủy điện Ialy (720MW), Sê San 3(260MW), Sê San 3A(108MW), Sê San 4(360MW), Sê San 4A(63MW); 01 nhà máy thủy điện liên tỉnh Kon Tum- Quảng Ngãi là Đăk Đrinh (125MW). Ngoài ra còn 01 công trình đang thi công trong tỉnh là Thủy điện Thượng Kon Tum (220MW).

Trong các năm qua, các thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh hiện đang vận hành đã góp phần tích cực giữ vững an ninh năng lượng, góp phần phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông, lưu thông hàng hóa tại địa phương; hàng năm làm tăng khoản nguồn thu ngân sách tại địa phương đáng kể: Từ 51,06 tỷ đồng (*năm 2016 với 16 công trình đưa vào vận hành*) lên 53,541 tỷ đồng (*năm 2017 với 17 công trình đưa vào vận hành*) và đạt 85,88 tỷ đồng (*năm 2018 với 22 công trình đưa vào vận hành*). Cùng với thủy điện lớn trên địa bàn tỉnh, ước tính hàng năm đã góp phần nộp thu ngân sách rất lớn: Năm 2016 khoảng 572,57 tỷ đồng, so với tổng thu ngân sách năm là 2.131,00 tỷ đồng, ước đạt tỷ lệ 26,86%; Năm 2017 khoảng 689,05 tỷ đồng, so với tổng thu ngân sách năm là 2.257,00 tỷ đồng, ước đạt tỷ lệ 30,52%; Năm 2018 khoảng 884,62 tỷ đồng, so với tổng thu ngân sách năm là 2.136,00 tỷ đồng, ước đạt tỷ lệ 41,41%.

Tính tới tháng 5 năm 2019, trên địa bàn tỉnh có 67 vị trí thủy điện vừa và nhỏ nằm trong quy hoạch, tổng công suất lắp máy 604,9 MW (trong đó, có 22 công trình đã hoàn thành hòa vào lưới điện quốc gia với tổng công suất 210,4 MW; 11 công trình đang triển khai xây dựng có tổng công suất 263,3 MW; 19 vị trí công trình đang lập dự án đầu tư 138,7 MW; 04 vị trí công trình chưa có chủ trương đầu tư có công suất là 19,5 MW). Ngoài ra, hiện có 11 công trình có công suất là 95,31MW đã hoàn thành việc khảo sát, đang trình Bộ Công Thương xem xét, bổ sung quy hoạch; 17 công trình có công suất là 136,70MW đang khảo sát, lập thủ tục xin chủ trương bổ sung quy hoạch. Dự kiến sau khi đưa các vị trí công trình vào vận hành phát điện thì nguồn thu ngân sách địa phương hàng năm ước đạt khoảng 600 tỷ đồng/năm.

III. Những tác động tiêu cực của các công trình thủy điện

Bên cạnh những tích cực, việc phát triển thủy điện nhỏ và vừa bộc lộ nhiều bất cập không nhỏ đến môi trường sinh thái và đời sống nhân dân vùng dự án. Sau đây tôi xin đi sâu chi tiết về tác động tiêu cực của các công trình thủy điện

Về việc phát triển thủy điện ảnh hưởng đến việc mất đất sản xuất, công tác tái định canh, đền bù hỗ trợ phát sinh kéo dài ảnh hưởng đến đời sống nhân dân.

Qua tính toán, mức độ ảnh hưởng chiếm đất trung bình của 01MW khi xây dựng thủy điện lớn là 10,26 ha/công trình, thì thủy điện vừa và nhỏ mức độ chiếm đất của 1MW là 5,3 ha/công trình (đất rừng sản xuất là 2,19 ha; đất trồng cây hàng năm là 1,37 ha; đất sông suối là 0,95 ha; đất khác là 3,66 ha; đất trồng lúa nước là 0,10 ha). Việc ảnh hưởng đến đất đã được thống kê, bồi thường. Tuy nhiên, sau khi bồi thường thì các hộ bị ảnh hưởng chủ yếu tập trung sửa nhà, mua sắm trang thiết bị, chưa quan tâm đầu tư cho sản xuất, kinh doanh, vì thế sau một thời gian các hộ dân bị ảnh hưởng không có đất sản xuất, đời sống trở lại khó khăn như trước khi bồi thường. Mặt khác, công tác tái định canh, hỗ trợ, bồi thường phát sinh sau khi tích nước kéo dài làm tăng thêm phần khó khăn cho người dân trong vùng dự án, làm phát sinh vụ việc khiếu kiện, kiến nghị của nhân dân.

Về vị trí địa lý các dự án thủy điện đa số đều ở vùng sâu, vùng xa, chưa có đường giao thông đến công trình nên việc mở đường giao thông sẽ có những tác động đến môi trường, ảnh hưởng đến rừng và đất rừng.

Để triển khai thi công công trình thủy điện vừa và nhỏ thì phải mở đường giao thông, việc mở đường giao thông sẽ góp phần làm tăng cơ sở hạ tầng vùng dự án, tạo điều kiện thuận lợi để người dân đi lại sản xuất, kinh doanh phát triển kinh tế. Tuy nhiên bên cạnh đó đã ảnh hưởng đất rừng, rừng các loại và tác động đến môi trường, ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực dự án, đôi khi tạo thuận lợi cho các đối tượng khai thác gỗ trái phép.

Về việc duy trì dòng chảy sinh thái gián đoạn ảnh hưởng đến cung cấp nước sản xuất vùng hạ lưu đập, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

Theo quy định, các yêu cầu bảo vệ, phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước tối thiểu trong trường hợp hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng, yêu cầu về bảo vệ, bảo tồn hệ sinh thái thủy sinh, đa dạng sinh học, bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yêu cầu khác liên quan đến bảo vệ nguồn nước đã được cấp thẩm quyền tính toán và đề nghị các chủ đập hồ chứa các công trình thủy điện vừa và nhỏ thực hiện thường xuyên. Tuy nhiên, qua kiểm tra thực tế, còn một số đơn vị vẫn chưa thực hiện thường xuyên theo quy định, đôi khi đối phó cho có lệ. Việc yêu cầu về bảo vệ, bảo tồn hệ sinh thái thủy sinh, đa dạng sinh học trên đoạn suối, sông bị ảnh hưởng rất nghiêm trọng. Mặt khác, việc vận hành theo chế độ điều tiết ngày chủ đập tập trung tích nước phía thượng lưu, phát điện trong vài ba giờ dẫn đến dòng chảy bị ngắt quãng đột ngột, hệ sinh thái, thủy sinh bị ảnh hưởng trầm trọng.

Về tiến độ đầu tư hệ thống truyền tải điện chưa đồng bộ với việc đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện dẫn đến việc khó khăn đầu nối, gián tiến độ thực hiện dự án, chưa khai thác hết tiềm năng về phát triển thủy điện trên địa bàn tỉnh.

Mục tiêu các dự án thủy điện vừa và nhỏ là đầu tư hoàn thành sớm đưa vào vận hành phát điện lên hệ thống điện. Tuy nhiên, phần lớn các thủy điện đều nằm vùng sâu, vùng xa, có địa bàn đồi dốc chia cắt, lưới điện chỉ là lưới điện phân phối trung thế. Do đó, đòi hỏi nhà đầu tư phải đầu tư đường dây và trạm biến áp để đầu nối vào lưới điện quốc gia, làm tăng thêm nguồn vốn đầu tư. Mặt khác, chưa có cơ chế, chính sách khuyến khích các nhà đầu tư ngoài ngành điện tham gia xây dựng hệ thống truyền tải điện nên việc chia sẻ đầu tư lưới điện dùng chung để đầu nối các nhà máy thủy điện giữa các Chủ đầu tư gặp khó khăn, không thống nhất. Một số dự án phải gián tiến độ dự án, ngừng thi công, dẫn đến hiệu quả đầu tư không cao, ảnh hưởng xấu đến việc phát triển kinh tế tại địa phương, gây bức xúc trong nhân dân.

Về một số dự án gặp khó khăn về huy động nguồn vốn, kéo dài thời gian thực hiện hoàn thành dự án đưa vào sử dụng

Một số Nhà đầu tư thường gặp khó khăn về huy động nguồn vốn, kéo dài thời gian thực hiện hoàn thành dự án để đưa vào sử dụng; Mặt khác không đủ năng lực, kinh nghiệm quản lý dự án, tự thi công dẫn đến chất lượng công trình kém và thời gian kéo dài, bị gián đoạn, phát sinh dẫn đến suất đầu tư phải tăng lên làm cho hiệu quả đầu tư hạn chế không đảm bảo theo tiến độ dự án đề ra, làm phát sinh thêm các vấn đề tiêu cực.

Về việc một số chủ đầu tư thực hiện cam kết hỗ trợ cho công tác an sinh xã hội tại địa phương còn hạn chế, hoặc không thực hiện.

Khi tiến hành triển khai, khảo sát lập báo cáo nghiên cứu khả thi, hầu hết các nhà đầu tư đều thể hiện cam kết thu hút nguồn lao động tại địa phương, đặc biệt với con em đồng bào dân tộc thiểu số. Nhưng khi triển khai dự án thì Nhà đầu tư thực hiện còn hạn chế, đôi khi không thực hiện. Do đó, không được sự đồng thuận của chính quyền, nhân dân trong vùng dự án.

IV. Một số kiến nghị.

Đối với các dự án thủy điện vừa và nhỏ đã được quy hoạch nhưng chưa triển khai, nếu chiếm dụng quá 10 ha đất các loại, di dời quá 01 hộ dân với 01 MW công suất lắp máy ảnh hưởng đến ruộng lúa nước, ảnh hưởng đến rừng phòng hộ, rừng thiên nhiên thì đề nghị chủ đầu tư rà soát lại để đảm bảo điều kiện yêu cầu; sau rà soát nếu không đảm bảo thì tham mưu loại khỏi quy hoạch.

Hoàn thiện, tạo lập các cơ chế, chính sách để thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển các nguồn điện và lưới điện.

Đề nghị Bộ Công Thương tiếp tục chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty điện lực Miền Trung xem xét bố trí kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống lưới điện truyền tải trên địa bàn tỉnh theo đúng tiến độ các Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia, Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh tạo thuận lợi đầu nối các dự án nhà máy thủy điện vừa và nhỏ đã được duyệt.

Đề nghị các nhà đầu tư quan tâm hỗ trợ đào tạo nghề, nhận người lao động tại địa phương vào làm việc tại nhà máy như đã cam kết; đồng thời tham gia đóng góp tại địa phương để phát triển kinh tế xã hội. Đồng thời, quan tâm lắp đặt thiết bị quan trắc đập, quan trắc dòng chảy tối thiểu gửi thông tin về các cơ quan chức năng giám sát hàng ngày, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

Đề nghị các Bộ, ngành chuyên môn chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xử lý nghiêm các trường hợp không duy trì dòng chảy tối thiểu, làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân.

Xin trân trọng cảm ơn!

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp!

**TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG “NGƯỜI VIỆT
NAM ƯU TIÊN DÙNG HÀNG VIỆT NAM THÔNG QUA CHƯƠNG
TRÌNH ĐƯA HÀNG VIỆT VỀ NÔNG THÔN”
TẠI TỈNH GIA LAI**

Sở Công Thương tỉnh Gia Lai

Thực hiện Thông báo số 264-TB/W ngày 31/7/2009 của Bộ Chính trị về tổ chức cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; Kết luận số 107-KL/TW của Ban bí thư Trung ương ngày 10/4/2015 về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; Quyết định số 634/QĐ-TTg ngày 29/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động giai đoạn 2014 - 2020.

Tỉnh Gia Lai, trong 10 năm thực hiện hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, Ban chấp hành Đảng bộ, Lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các sở ban ngành tỉnh Gia Lai đã chỉ đạo các cấp ủy thông qua các buổi sinh hoạt tổ chức tuyên truyền hội nghị tập huấn, phổ biến văn bản pháp luật nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng cuộc vận động nhằm tạo sự đồng thuận rộng rãi trên toàn tỉnh. Thông qua công tác thông tin tuyên truyền vận động đến nay nhiều thương hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao đã chiếm thị trường phần lớn trong các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng và ở các vùng nông thôn, người tiêu dùng đã ủng hộ hàng Việt Nam ngày càng nhiều, quan tâm khi mua sắm các mặt hàng trong nước sản xuất, với sự tin tưởng hơn về giá cả và chất lượng sản phẩm.

Trong suốt chặng đường 10 năm qua, Sở Công Thương cũng đã chỉ đạo trung tâm khuyến công & Xúc tiến thương mại xây dựng các đề án tổ chức phiên chợ hàng Việt về nông thôn, hàng Việt về miền núi để phục vụ đồng bào bà con vùng sâu, vùng xa. 10 năm thực hiện chương trình, tuyên truyền vận động “Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam” thông qua chương trình đưa hàng Việt về nông thôn đến nay xu thế dùng hàng Việt thay cho hàng ngoại nhập tại các vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai ngày càng gia tăng. Trước nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cũng đã thấy được nhu cầu tiêu thụ hàng hóa tại thị trường nông thôn, miền núi rất lớn và thấy được trách nhiệm của mình trong việc đầu tư công nghệ, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, cải tiến mẫu mã hàng hóa, đổi mới công tác quản lý và phương thức quảng bá thương hiệu để ngày càng đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Từ năm 2009 đến nay, trung Tâm Khuyến công & Xúc tiến thương mại Gia Lai đã tổ chức thành công 52 phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn, miền núi tại các huyện trên địa bàn toàn tỉnh; 03 phiên chợ đưa hàng Việt sang biên giới Việt Nam –

Campuchia. Tham gia cùng chương trình khởi đầu chỉ có từ 2 đến 3 doanh nghiệp tham gia đến nay có phiên chợ quy tụ khoảng 20-22 doanh nghiệp tham gia với trên 40 gian hàng. Để đạt được kết quả nêu trên có sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo Sở Công Thương, sự bắt tay vào cuộc của tất cả các cơ quan chính quyền địa phương, cơ quan báo, đài đã quan tâm trong việc tuyên truyền, vận động để tổ chức tuyên truyền cuộc vận động “ Người Việt nam ưu tiên dùng hàng Việt nam”. Sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đã đồng hành cùng chương trình trong suốt nhiều năm qua. Bên cạnh đó hoạt động Xúc tiến thương mại tổ chức có hiệu quả đã góp phần tích cực từ đó nâng cao nhận thức trong mọi tầng lớp nhân dân khi tham gia mua sắm và sử dụng hàng Việt Nam.

Một số tồn tại, hạn chế

Nhiều doanh nghiệp chưa thực sự hưởng ứng nhiệt tình chương trình đưa hàng Việt về nông thôn nên nhiều phiên chợ tổ chức còn hạn chế về số lượng doanh nghiệp tham gia.

Ban tổ chức có lúc còn gặp nhiều vướng mắc trong khâu phối hợp với các cơ quan chính quyền địa phương về công tác tổ chức các chương trình giao lưu văn nghệ phục vụ các phiên chợ hàng Việt và vị trí tổ chức hàng Việt chưa phù hợp.

Kinh phí hỗ trợ để tổ chức cho chương trình đưa hàng Việt còn thấp; sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ở một số khâu còn chưa nhịp nhàng, các doanh nghiệp tham gia chưa nhiều nên phần nào ảnh hưởng đến công tác tổ chức chương trình.

Chương trình “Hàng Việt về nông thôn” tổ chức vào một số thời điểm trái mùa vụ thu hoạch của người dân, thời tiết thay đổi bất thường mưa, bão nhiều nên sức mua của người dân địa phương không cao, ảnh hưởng đến doanh số bán hàng.

Các giải pháp và đề xuất kiến nghị:

Doanh nghiệp tham gia chương trình trước hết là phải nghiên cứu thị trường, thực tế hiện nay, hàng hóa đến tay người tiêu dùng chủ yếu vẫn qua hệ thống chợ và hệ thống cửa hàng bán lẻ. Lượng hàng hóa phân phối thông qua các kênh hiện đại như siêu thị, cửa hàng tiện lợi chủ yếu tại các thành phố lớn, còn lại là do nhà sản xuất trực tiếp bán thẳng ra thị trường. Trong đó, hệ thống bán hàng của DN tại khu vực nông thôn chưa được chú ý, không muốn nói là đã bị “bỏ quên”. Do đó, khi Chương trình Đưa hàng Việt về nông thôn ra đời đã tạo điều kiện cho các DN khi tham gia bán hàng sẽ tiếp cận được thị trường mới, mặt khác tiến hành nghiên cứu, xác định lại thị trường và mẫu mã bao bì, giá cả và chất lượng hàng hóa. Ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ; thực hiện các cam kết bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng; xây dựng được thương hiệu sản phẩm, hàng hóa Việt Nam. Đồng thời nêu cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc của mọi người dân Việt Nam trong thực hiện Cuộc vận động...

Đơn vị tổ chức cần nỗ lực hơn trong mời gọi doanh nghiệp tham gia và việc khảo sát địa điểm:

Trung tâm khuyến công & Xúc tiến thương mại là đơn vị phối hợp với các Huyện tổ chức các phiên chợ Hàng Việt về nông thôn nhận định, mặc dù thị trường nông thôn có nhiều tiềm năng với 70% dân số sinh sống nhưng hiện nay chưa thực sự thu hút các DN sản xuất kinh doanh trong nước đưa hàng về. Bởi vì thị trường này vẫn có doanh số thấp do người dân sống bị phân tán ít tập trung như các khu công nghiệp, sức mua thấp, mạng lưới phân phối tồn kém, chi phí vận chuyển cao...Làm thế nào để đưa hàng hóa Việt Nam về nông thôn ngày càng nhiều và đa dạng là vấn đề mà đơn vị tổ chức cũng như các Doanh nghiệp vẫn đang loay hoay. Vì vậy cần sự hỗ trợ của các cấp chính quyền địa phương cùng chung tay vận động tuyên truyền bà con nông thôn hưởng ứng cho chương trình Hàng Việt về nông thôn.

Phát huy vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước:

Nhằm nâng cao chất lượng của Chương trình “Hàng Việt về nông thôn” cần phát huy vai trò Mặt trận và các đoàn thể, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, các cơ quan tuyên truyền, thông tấn, báo chí trong công tác tuyên truyền về Cuộc vận động, tích cực vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên, người tiêu dùng ưu tiên mua sắm, sử dụng hàng Việt Nam, xây dựng văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam trong giai đoạn mới.

Lãnh đạo Huyện cũng tăng cường hỗ trợ về các khoảng mặt bằng, an ninh, văn nghệ tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đơn vị tổ chức cũng như các doanh nghiệp, xem đây như một giải pháp “khai thông” cho hàng Việt về nông thôn để tăng sức mua, đẩy mạnh doanh thu của các phiên chợ thu hút ngày càng nhiều doanh nghiệp tham gia chương trình.

Đẩy mạnh công tác truyền thông trên đài phát thanh của Huyện để mọi người dân đều được biết đến cuộc vận động “ Người Việt nam dùng hàng Việt nam “ thông qua các phiên chợ “ Hàng Việt về nông thôn”. Mặt khác tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá chất lượng hàng Việt Nam; tuyên truyền khả năng sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam, giới thiệu hàng hóa từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ sản phẩm. Công tác này phải được đổi mới cả về nội dung và hình thức, hướng đến người tiêu dùng, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới vì đây là thị trường tiêu thụ rất lớn, rất cần đến hệ thống phân phối, bán lẻ hàng hóa.

Trên đây là một số nội dung tham luận của Sở Công thương tỉnh Gia Lai về 10 năm thực hiện cuộc vận động “Người Việt nam dùng hàng Việt nam” thông qua việc tổ chức các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai tại Hội nghị ngành Công thương khu vực Miền trung tây nguyên năm 2019 .

PHÁT TRIỂN CÁC DỰ ÁN ĐIỆN MẶT TRỜI, ĐIỆN GIÓ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

Sở Công Thương tỉnh Gia Lai

Kính thưa:

- Đoàn Chủ tịch;
- Các đại biểu tham dự Hội nghị Ngành Công
Thương khu vực miền Trung - Tây Nguyên lần thứ 15.

Được sự đồng ý của Đoàn Chủ tịch, Sở Công Thương xin trình bày tham luận về tình hình triển khai các dự án điện mặt trời, điện gió trên địa bàn tỉnh với một số nội dung như sau:

I. Về tiềm năng phát triển điện mặt trời, điện gió của tỉnh:

1. Về tiềm năng phát triển điện mặt trời:

Theo các nguồn cơ sở dữ liệu khác nhau như Meteonorm, NASA, SolarGis cũng như từ Bản đồ bức xạ mặt trời và đánh giá tiềm năng năng lượng mặt trời tại Việt Nam trong khuôn khổ dự án hỗ trợ kỹ thuật “Thúc đẩy phát triển năng lượng mặt trời tại Việt Nam” giữa Tổng cục Năng lượng và Cơ quan hợp tác phát triển Tây Ban Nha, Gia Lai có số giờ nắng bình quân từ 1.900 - 2.200 giờ/năm, bức xạ tổng cộng từ 335 - 380 kcal/cm² và số liệu bức xạ mặt trời trung bình ngày đưa vào tính toán từ 4,6 - 5,2 kWh/m²/ngày. Đây là điều kiện rất thuận lợi để phát triển các dự án điện mặt trời trên địa bàn, quy mô công suất có thể đạt khoảng 7.500MW. Trong đó:

- Các dự án điện mặt trời trên đất: Khoảng trên 5.000MW.
- Các dự án điện mặt trời nổi trên nước: Khoảng trên 2.500MW.

2. Về tiềm năng phát triển điện gió:

Gia Lai được đánh giá có tiềm năng phát triển năng lượng gió nhưng hiện tại số liệu về tiềm năng khai thác năng lượng gió chưa được lượng hóa đầy đủ bởi còn thiếu điều tra và đo đạc. Tuy nhiên, qua khảo sát đo gió sơ bộ tại một số vị trí và dữ liệu được thu thập, lưu trữ tại trang web <https://globalwindatlas.info/>, Gia Lai có 04 khu vực tiềm năng phát triển các dự án điện gió với quy mô công suất có thể đạt khoảng 11.950MW. Trong đó:

- Khu vực phía Đông tỉnh (gồm các huyện: Mang Yang, Đăk Pơ, Kông Chro, K'Bang và thị xã An Khê): Khoảng 3.800MW.
- Khu vực phía Đông Nam tỉnh (gồm các huyện: Phú Thiện, Ia Pa, Không Pa và thị xã Ayun Pa): Khoảng 1.300MW.
- Khu vực phía Tây tỉnh (gồm các huyện: Chư Prông, Đức Cơ, Chư Sê, Chư Pưh và Đăk Đoa): Khoảng 6.350MW.
- Khu vực thành phố Pleiku: Khoảng 500MW.

II. Tình hình triển khai các dự án điện mặt trời, điện gió trên địa bàn tỉnh:

1. Các dự án điện mặt trời:

Đến nay, tình hình triển khai các dự án điện mặt trời trên địa bàn tỉnh như sau:

+ 03 dự án đã được phê duyệt bổ sung quy hoạch và chủ trương đầu tư, tổng quy mô công suất là 158 MWp. Trong đó:

- Dự án điện mặt trời Krông Pa, công suất 69 MWp đã đưa vào vận hành phát điện vào tháng 11/2018;

- Dự án điện mặt trời Krông Pa 2, công suất 49 MWp đã hoàn thành công tác đền bù GPMB và đang triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng.

- Dự án điện mặt trời Chư Ngọc - EVNLICOGI16, công suất 40 MWp (*Giai đoạn 1: 15 MWp và Giai đoạn 2: 25 MWp*) đang triển khai thi công xây dựng Giai đoạn 1 của dự án, dự kiến hoàn thành 6/2019.

+ 10 dự án đã được UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt bổ sung quy hoạch, tổng quy mô công suất là 635 MWp (*Trong đó, Bộ Công Thương đã tổ chức thẩm định 04 dự án, đã có văn bản lấy ý kiến góp ý để thẩm định 02 dự án*).

- 22 dự án đang khảo sát, nghiên cứu lập hồ sơ bổ sung quy hoạch, tổng quy mô công suất dự kiến là 3297,5 MWp (*Trong đó, có 07 dự án đang hoàn thiện và 01 dự án đã hoàn thành Báo cáo bổ sung quy hoạch để trình các cấp thẩm định, phê duyệt*).

Ngoài ra, còn có **14 nhà đầu tư** với 21 dự án điện mặt trời đang đề xuất UBND tỉnh cho phép khảo sát, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch với tổng công suất dự kiến khoảng 2112,0 MWp.

(Danh mục các dự án điện mặt trời như tại Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo)

2. Các dự án điện gió:

Đến nay, tình hình triển khai các dự án điện gió trên địa bàn tỉnh như sau:

+ 01 dự án đã được phê duyệt bổ sung quy hoạch và chủ trương đầu tư. Trong đó:

- Tổng quy mô công suất: 50 MW.

- Tổng diện tích đất khảo sát: 996 ha.

- Tổng diện tích đất sử dụng (vĩnh viễn và tạm thời): 9,25 ha.

+ 10 dự án đã được UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt bổ sung quy hoạch. Trong đó:

- Tổng quy mô công suất: 1.787,4 MW.

- Tổng diện tích đất khảo sát: 12.918,4 ha.

- Tổng diện tích đất sử dụng (vĩnh viễn và tạm thời): 773,761 ha.
+ 28 dự án đang khảo sát, nghiên cứu lập hồ sơ bổ sung quy hoạch sau được sự thống nhất của UBND tỉnh. Trong đó:

- Tổng quy mô công suất dự kiến: 4.326 MW.
- Tổng diện tích đất khảo sát: 51.648,3 ha.
- Tổng diện tích đất sử dụng (vĩnh viễn và tạm thời): 1.646,65 ha.

+ 30 nhà đầu tư đang đề xuất UBND tỉnh xem xét, cho chủ trương khảo sát, nghiên cứu lập hồ sơ bổ sung quy hoạch 39 dự án điện gió trên địa bàn tỉnh (có văn bản giao nhiệm vụ kiểm tra, đề xuất xử lý của UBND tỉnh). Trong đó:

- Tổng quy mô công suất dự kiến: 6.646 MW.
- Tổng diện tích đất khảo sát dự kiến: 86.800,4 ha.

(Danh mục các dự án điện gió như tại Phụ lục 5, 6, 7, 8 kèm theo)

III. Về khả năng đầu nối các dự án điện mặt trời, điện gió trên địa bàn tỉnh:

1. Về hiện trạng lưới điện truyền tải của tỉnh:

1.1. Về lưới điện 500kV:

+ Trạm biến áp 500kV: Trên địa bàn tỉnh hiện có 02 trạm biến áp 500kV, cụ thể:

- Trạm 500kV Pleiku công suất (3x450)MVA, điện áp 500/220kV nằm trên địa bàn huyện Chư Păh, cách trung tâm thành phố Pleiku 17 km về phía Tây Bắc, trạm được đưa vào vận hành năm 1994, nhận điện từ trạm biến áp nâng áp TĐ Ialy qua đường dây 500kV mạch kép dây dẫn 2xACSR4x330 chiều dài 19,9 km, phát lên hệ thống điện Quốc gia.

- Trạm 500kV Pleiku 2 công suất (2x450)MVA, điện áp 500/220kV nằm trên địa bàn xã Ia Kênh, TP Pleiku, trạm được đưa vào vận hành từ tháng 6/2016, liên lạc và trao đổi công suất với trạm 500kV Pleiku qua đường dây mạch đơn dây dẫn 4xACSR330 dài 25,6km.

+ Các tuyến đường dây 500kV: Trên địa bàn tỉnh hiện có 9 xuất tuyến 500kV. Trong đó, có 03 xuất tuyến từ trạm 500kV Pleiku 2, 06 xuất tuyến từ trạm 500kV Pleiku.

1.2. Về lưới điện 220kV:

- Trạm biến áp 220kV: Ngoài các trạm biến áp nâng áp của các nhà máy thủy điện Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4, Sê San 4A là các trạm biến áp 220kV phục vụ truyền tải công suất các nhà máy thủy điện; Hiện tại tỉnh nhận điện từ trạm 220kV Pleiku nối cấp trạm trạm 500kV Pleiku công suất (2x125)MVA.

- Các tuyến đường dây 220kV: Trên địa bàn tỉnh Gia Lai hiện có 11 tuyến đường dây 220kV.

1.3. Về lưới điện 110kV:

- Trạm biến áp 110kV: Hiện tại tỉnh được cấp điện từ 09 trạm/14 máy biến áp 110kV với tổng dung lượng đặt là 353MVA. Ngoài ra, có 07 trạm biến áp với tổng công suất 161,5MVA phục vụ truyền tải công suất các nhà máy thủy điện lên hệ thống điện 110kV.

- Các tuyến đường dây 110kV: Hiện tại tỉnh có 17 xuất tuyến 110kV cung cấp điện cho phụ tải và truyền tải công suất các dự án điện năng lượng tái tạo của tỉnh.

*** Đánh giá, nhận xét về hiện trạng lưới điện truyền tải của tỉnh:**

- Lưới điện 500kV của tỉnh hiện được cấp từ 3 nguồn: trạm 500kV Pleiku, trạm 500kV Pleiku 2 và thủy điện Ialy; các đường dây 500kV cấp điện và liên lạc cho các trạm 500kV đều là đường dây phân pha và có liên kết mạch vòng với các nguồn cung cấp điện khác. Do vậy, khả năng đảm bảo công suất truyền tải giữa lưới điện 500kV của tỉnh với các tỉnh lân cận và hệ thống điện Quốc gia ở mức cao.

- Lưới điện 220kV của tỉnh hiện được cấp từ 2 nguồn: trạm 500kV Pleiku và các thủy điện Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4, Sê San 4A; các đường dây 220kV cấp điện cho các trạm 220kV đều là mạch kép và có liên kết mạch vòng với các nguồn cung cấp điện. Do vậy, khả năng đảm bảo liên lạc và truyền tải công suất thủy điện giữa lưới điện 220kV của tỉnh với các tỉnh lân cận ở mức cao.

- Trên địa bàn tỉnh còn có nhiều nhà máy thủy điện phát lên lưới điện 110kV hoặc phát vào thanh cái của các trạm biến áp 110kV. Do đó, độ tin cậy cung cấp điện của nguồn cấp điện tỉnh Gia Lai là khá cao.

- Lưới điện 110kV có nhiều mạch vòng liên kết chặt chẽ với lưới điện các tỉnh lân cận Kon Tum, Bình Định, Đắk Lắk. Tuy nhiên, mức độ liên kết hỗ trợ lẫn nhau giữa các tuyến 110kV còn thấp do tiết diện dây dẫn nhỏ (AC-185), có quá nhiều đường dây mạch đơn nên khả năng đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện trong trường hợp sự cố không cao.

2. Về quy hoạch phát triển hệ thống điện truyền tải của tỉnh:

Theo Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 (*gọi tắt là Quy hoạch điện VII hiệu chỉnh*) và Quyết định số 1275/QĐ-BCT ngày 17/4/2018 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035 (*Hợp phần I: Quy hoạch phát triển Hệ thống điện 110kV*); Quy hoạch nguồn trạm biến áp 220kV và 110kV trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030 như sau:

2.1. Về lưới điện 220 kV:

+ Giai đoạn 2016-2020:

- Trạm biến áp: Xây dựng mới 4 trạm biến áp 220/110 kV với tổng công suất tăng thêm là 660MVA. Trong đó cấp điện cho nhu cầu phụ tải là 01 trạm

với tổng công suất tăng thêm là 125MVA, phục vụ đầu nối các nhà máy điện 03 trạm với tổng công suất tăng thêm 535MVA, Cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 01 trạm biến áp 220/110 kV với tổng công suất tăng thêm 125 MVA.

- Đường dây: Xây dựng mới 06 tuyến đường dây 220 kV với tổng chiều dài 301 km; Xây dựng mới đường dây 220 kV (Nhánh rẽ trạm 220 kV Chư Sê) thành đường dây 4 mạch, dài 2 km, treo trước 2 mạch.

+ Giai đoạn 2021-2025:

- Trạm biến áp: Xây dựng mới 3 trạm biến áp 220 kV với tổng công suất 500MVA; Cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 2 trạm biến áp 220kV với tổng công suất tăng thêm 375 MVA.

- Đường dây: Xây dựng mới 02 tuyến đường dây 220 kV, mạch kép với tổng chiều dài 63 km (trong đó có Xây dựng mới đường dây 220 kV - Nhánh rẽ trạm 220 kV An Khê, 2 mạch, dài 3 km).

+ Giai đoạn 2026-2030:

- Trạm biến áp: Cải tạo nâng công suất 01 trạm với tổng công suất tăng thêm là 125 MVA.

2.2. Về lưới điện 110 kV:

+ Giai đoạn 2016-2020:

- Trạm biến áp: Xây dựng mới 12 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 440 MVA bao gồm 02 trạm đầu nối nhà máy thủy điện và điện mặt trời với tổng công suất là 70MVA; cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 03 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất tăng thêm 103 MVA.

- Đường dây: Xây dựng mới 16 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 198,5 km và 02 đường dây 110 kV phục vụ đầu nối nhà máy thủy điện và điện mặt trời với tổng chiều dài 35 km; cải tạo, nâng khả năng tải 04 tuyến đường dây 110kV với tổng chiều dài 112,5 km và 01 đường dây với chiều dài 5km (xóa T đầu nối thủy điện).

+ Giai đoạn 2021-2025:

- Trạm biến áp: xây dựng mới 04 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 145 MVA; cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 04 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất tăng thêm 150 MVA.

- Đường dây: xây dựng mới 12 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 160 km; cải tạo, nâng khả năng tải 01 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 38 km.

+ Giai đoạn 2026-2030:

- Trạm biến áp: xây dựng mới 03 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 120 MVA; cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 06 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất tăng thêm 284 MVA.

- Đường dây: xây dựng mới 04 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 65 km; cải tạo 01 tuyến đường dây 110kV với tổng chiều dài 16 km.

3. Về đánh giá khả năng đầu nối các dự án điện mặt trời, điện gió trên địa bàn tỉnh:

Từ hiện trạng và quy hoạch phát triển lưới điện truyền tải của tỉnh, có thể thấy khả năng đảm bảo công suất truyền tải giữa lưới điện 500kV, 220kV, 110kV của tỉnh với các tỉnh lân cận và hệ thống điện Quốc gia ở mức cao.

Tuy nhiên, sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam và Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam; đã có rất nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước quan tâm, triển khai đầu tư xây dựng các dự án điện mặt trời, điện gió nối lưới trên địa bàn tỉnh. Trong khi, hệ thống lưới điện truyền tải công suất của bên mua điện chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ với các dự án, cho nên chưa đảm bảo khả năng giải tỏa công suất của một số dự án tại các khu vực có tiềm năng phát triển cao trên địa bàn tỉnh.

Do vậy, trong quá trình kiểm tra, xem xét hồ sơ bổ sung quy hoạch các dự án điện mặt trời, điện gió trên địa bàn tỉnh, Sở Công Thương đều yêu cầu nhà đầu tư, đơn vị tư vấn phải làm rõ các nội dung sau:

- Bổ sung, chuẩn xác kết quả tính toán trào lưu công suất, tính toán ngắn mạch với các mốc thời gian theo các chế độ vận hành năm xuất hiện dự án, năm 2025 và năm 2030. Trong trường hợp khó khăn để giải phóng toàn bộ công suất các nguồn điện trong khu vực và của dự án, cần đề xuất phương pháp giảm phát nguồn điện hoặc đề xuất phương án đầu tư lưới điện để đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy hệ thống điện.

- Nghiên cứu, đề xuất phương án góp vốn giữa các nhà đầu tư trong khu vực để hợp tác đầu tư xây dựng hệ thống lưới điện truyền tải công suất của các dự án điện mặt trời, điện gió (phân chia theo tỷ lệ công suất truyền tải lên lưới điện).

IV. Một số kiến nghị, đề xuất:

1. Về triển khai thực hiện các quy định của Luật quy hoạch:

Hiện nay, Luật Quy hoạch đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 và ngày 07/5/2019, Chính Phủ đã ban hành Nghị định số 37/2019/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (*có hiệu lực kể từ ngày ký, quy định chi tiết một số nội dung tại các điều 15, 17, 19, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 30, 40, 41, và 49*), còn những nội dung khác của Luật Quy hoạch chưa được hướng dẫn cụ thể, gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện nghiêm các quy định của Luật Quy hoạch.

Xin đơn cử một vấn đề cụ thể như sau:

- Tại điểm b, khoản 1, điều 59 (quy định chuyển tiếp), Luật quy hoạch có nêu: “ *Các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành quy định tại Phụ lục 2 của Luật này được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp nội dung của quy hoạch đó không phù hợp với quy hoạch*

cao hơn đã được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật này thì phải điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch cao hơn”

- Tại điểm c, khoản 1, điều 59 (quy định chuyển tiếp), Luật quy hoạch có nêu: *“Các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được thực hiện cho đến khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này”*

Hiện nay, các nước phát triển trên thế giới khuyến khích phát triển các dự án nguồn năng lượng tái tạo như: Điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối,... nhằm thay thế các nguồn năng lượng hóa thạch gây ô nhiễm môi trường. Đối với nước ta, Chính Phủ, Thủ tướng Chính Phủ, Bộ Công Thương đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo, nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế quan tâm đầu tư vào lĩnh vực này, như: Quyết định 37/2011/QĐ-TTg, 24/2014/QĐ-TTg, 11/2017/QĐ-TTg, 39/2018/QĐ-TTg, Thông tư 32/2012/TT-BCT, Thông tư 03/2013/TT-BCT, Thông tư 29/2015/TT-BCT, Thông tư 44/2015/TT-BCT, Thông tư 16/2017/TT-BCT, Thông tư 02/2019/TT-BCT,... Đặc biệt giá bán điện gió và điện mặt trời khá cao, trong khi suất đầu tư đang giảm dần, nên các nhà đầu tư quan tâm, nghiên cứu đề xuất các địa phương có tiềm năng như: Gia Lai, Ninh Thuận, Bình Thuận,...cho lập hồ sơ bổ sung quy hoạch, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung quy hoạch. Hiện nay, Bộ Công thương đang thụ lý khoảng 350 dự án đề nghị bổ sung quy hoạch với tổng công suất khoảng 28.000 MW, nhưng không thể giải quyết do chưa có Nghị định hướng dẫn cụ thể.

Do vậy, đề nghị UBND tỉnh kiến nghị đến các cấp có thẩm quyền tháo gỡ, để triển khai thực hiện trong thời gian tới. Trước mắt cho phép được thẩm định, phê duyệt bổ sung các dự án năng lượng tái tạo vào Quy hoạch phát triển điện lực các cấp.

2. Về cơ chế giá bán điện của các dự án điện mặt trời, điện gió:

Với đặc thù là một tỉnh nghèo thuộc Tây Nguyên, có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số và tỷ lệ hộ nghèo còn cao trong cả nước. Hiện nay, ngành công nghiệp phát triển còn chậm, trong khi tỉnh có diện tích đất rộng, có nhiều tiềm năng phát triển các dự án năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió. Việc phát triển các dự án điện mặt trời, điện gió trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn hiện nay là phù hợp với chiến lược phát triển năng lượng tái tạo, được Chính phủ khuyến khích đầu tư. Do vậy, đề nghị UBND tỉnh kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương quan tâm xem xét, cho phép tỉnh Gia Lai được hưởng cơ chế giá bán điện đối với các dự án điện mặt trời theo Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ (*trương đương 9.35 Uscents/kWh, có hiệu lực đến ngày 30/6/2019*) đến hết năm 2020 và cơ chế giá bán điện đối với các dự án điện gió theo Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ (*trương đương 8.5 Uscents/kWh, có hiệu lực đến ngày 01/11/2021*) đến hết năm 2022.

3. Về phát triển hệ thống lưới điện:

Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035 (Hợp phần 1: Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV) đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 1275/QĐ-BCT ngày 17/4/2018. Do vậy, nhằm phục vụ nhu cầu phát triển phụ tải của tỉnh cũng như phục vụ đấu nối và giải tỏa công suất các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh lên hệ thống lưới điện quốc gia, đề nghị UBND tỉnh có văn bản kiến nghị Bộ Công Thương chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực miền Trung triển khai đầu tư các đường dây và trạm biến áp trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo đúng tiến độ tại quy hoạch được phê duyệt.

4. Về cơ chế đầu tư và hoàn trả vốn đầu tư xây dựng hệ thống lưới điện truyền tải các dự án năng lượng tái tạo:

Hiện nay, lưới điện truyền tải theo quy định là độc quyền nhà nước, do EVN đầu tư, quản lý vận hành. Tuy nhiên, để giải phóng công suất cho các dự án nguồn năng lượng tái tạo hiện đang triển khai, thì lưới điện truyền tải hiện hữu không đáp ứng được. Như vậy, cần có quy định cụ thể về việc các nhà đầu tư hợp tác đầu tư và cơ chế hoàn trả vốn đầu tư xây dựng hệ thống lưới điện truyền tải công suất các dự án điện mặt trời, điện gió.

Do vậy, đề nghị UBND tỉnh kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương bổ sung quy định về hợp tác đầu tư và cơ chế hoàn trả vốn đầu tư xây dựng hệ thống lưới điện truyền tải công suất các dự án điện mặt trời, điện gió. Bao gồm:

- Quy định trách nhiệm của các nhà đầu tư trong việc góp vốn hợp tác đầu tư xây dựng hệ thống lưới điện truyền tải công suất các dự án điện mặt trời nổi lưới (phân chia theo tỷ lệ công suất truyền tải lên lưới điện).
- Quy định trách nhiệm của bên mua điện trong việc hoàn trả vốn đầu tư xây dựng hệ thống lưới điện truyền tải công suất các dự án điện mặt trời nổi lưới.
- Quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước./.

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG “NGƯỜI VIỆT NAM ƯU TIÊN DÙNG HÀNG VIỆT NAM” TẠI TỈNH ĐẮK LẮK

Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện kế hoạch tổng kết 10 năm Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” của Ban chỉ đạo Trung ương, Bộ Công Thương và tỉnh Đắk Lắk. Sở Công thương đã có báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình hành động của ngành Công Thương hưởng ứng Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” với nhiều nội dung hoạt động tích cực về lĩnh vực Thương mại.

Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trong 10 năm qua đã đem lại kết quả tích cực. Tuy nhiên cần nghiên cứu đổi mới phương thức, đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động có ý nghĩa này để tạo nên những chuyển biến sâu rộng về nhận thức và thay đổi hành vi của người sản xuất và người tiêu dùng.

Người tiêu dùng phân biệt được hàng nhập khẩu và hàng sản xuất trong nước, người tiêu dùng đã đóng góp tích cực việc đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đã tạo hiệu ứng lan toả mạnh mẽ vào cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” nhưng lâu nay phong trào cuộc vận động của chúng ta quan tâm đến người tiêu dùng là chính có phải chăng nguồn cung của chúng ta có vấn đề có nghĩa là người sản xuất cứ sản xuất nhưng người Việt Nam là phải ưu tiên dùng hàng Việt Nam bởi vì nước nào cũng khuyến khích dùng hàng trong nước thì làm sao có nước nhập khẩu để chúng ta xuất khẩu trong xu thế hội nhập và ngược lại.

Do vậy đề nghị cuộc vận động trong thời gian tới cần đưa ra mục tiêu giải pháp rõ ràng hơn để nâng cao vai trò trách nhiệm của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong nước cho ra sản phẩm hàng hóa của Việt Nam có chất lượng, mẫu mã đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện tốt quy trình sản xuất để sản xuất ra sản phẩm hàng hóa chất lượng có chi phí thấp, giá thành hạ, cạnh tranh được sản phẩm hàng hóa nhập khẩu từ đó mới kích cầu tiêu dùng trong nước đó là người Việt Nam có lòng tự tôn dân tộc mình tự hào tôn vinh sản phẩm hàng hóa sản xuất trong nước.

Như vậy xu hướng hàng Việt Nam xứng đáng với người Việt Nam hay nói cách khác **“Hàng Việt Nam chinh phục người Việt Nam để người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”**. Có như vậy cuộc vận động của chúng ta sẽ có sức lan tỏa mạnh mẽ, sâu rộng đem lại kết quả cao hơn giữa sản xuất và tiêu dùng thể hiện đề cao vai trò trách nhiệm của doanh nghiệp sản xuất và trách nhiệm người tiêu dùng đối với sản phẩm hàng hóa Việt Nam.

Hàng Việt về nông thôn miền núi, phát triển thị trường trong nước, người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam là nâng cao lòng tự tôn dân tộc, tự hào về sản phẩm Việt Nam, từng bước thay đổi tư duy sinh hàng ngoại, hình thành thói quen tiêu dùng hàng hoá do doanh nghiệp trong nước sản xuất. Hàng Việt với thị trường trong nước không những góp phần xây dựng văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam mà còn thúc đẩy sản xuất ra nhiều hàng hóa Việt Nam có chất lượng, sức cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, góp phần xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Đặc biệt trong bối cảnh kinh tế hiện nay, sản xuất công nghiệp gặp nhiều khó khăn thì việc ưu tiên dùng hàng Việt là hành động "ích nước, lợi nhà", thể hiện trách nhiệm và lòng yêu nước của mỗi người dân chúng ta.

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động sâu rộng trong cán bộ và các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện tốt và có hiệu quả cuộc vận động ***“Hàng Việt Nam chinh phục người Việt Nam, người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”***. Đây là yếu tố cộng sinh cho sự nghiệp phát triển kinh tế - đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU HÀNG HÓA TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG

Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng

Bên cạnh việc chiếm lĩnh thị trường trong nước thì vẫn rất cần thiết để thúc đẩy xuất khẩu vì những ảnh hưởng tích cực đến nền kinh tế. Hoạt động xuất khẩu cần phải có chất lượng tốt để có thể thuyết phục khách hàng ở các khu vực lãnh thổ và quốc gia khác – những người có rất nhiều lựa chọn phong phú – mua sản phẩm từ các nhà sản xuất của mình. Điều này có nghĩa là hàng hóa xuất khẩu cần phải có một tỷ lệ chất lượng trên chi phí hấp dẫn. Đồng thời, do chịu sự cạnh tranh ngày càng lớn, các hoạt động xuất khẩu đang có xu hướng cải tiến công nghệ và năng suất nhanh hơn so với phần còn lại của nền kinh tế. Ngoài ra, các nhu cầu của hoạt động xuất khẩu thường khá đặc trưng về cơ sở hạ tầng, kỹ năng, và công nghệ nên sẽ kích thích việc hoàn thiện đồng bộ các hạ tầng cơ sở.

Lâm Đồng là một tỉnh miền núi nằm ở phía nam tây nguyên. Do đặc thù vị trí địa lý, khí hậu, thổ nhưỡng nên thế mạnh kinh tế chủ yếu ở khu vực nông nghiệp. Trong những năm gần đây, nhờ cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do đa phương, song phương Việt Nam tham gia cùng sự cải thiện cơ sở hạ tầng mà lĩnh vực xuất khẩu hàng hóa của Lâm Đồng có nhiều sự chuyển biến, giá trị xuất khẩu liên tục tăng mặc dù quy mô còn nhỏ bé.

I. Tình hình xuất khẩu hàng hóa tỉnh Lâm Đồng năm 2018

Năm 2018, xuất khẩu Lâm Đồng tiếp tục đạt mức tăng trưởng khá. Tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh đạt 661 triệu USD, đạt 105% so với kế hoạch và tăng 19,8% so với năm 2017. Thị trường xuất khẩu chính của hàng hóa Lâm Đồng gồm: nhóm hàng nông sản chủ yếu xuất sang: Nhật Bản, Đài Loan, các nước thuộc Liên Minh Châu Âu; Nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản (chủ yếu là Alumin) chủ yếu được xuất sang: Trung Quốc, Nhật, Thụy Sĩ, Ấn Độ, Hàn Quốc, và UAE; nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp: thị trường chính là: Mỹ, các nước khối EU, Nhật, và Ấn Độ. Xét về cơ cấu xuất khẩu hàng hóa, chiếm tỷ trọng cao nhất vẫn là nhóm hàng nông sản (48%), tiếp theo là nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản (39%), thấp nhất là nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp (13%).

1. Nhóm hàng nông sản

Năm 2018, nhóm hàng nông sản đạt giá trị xuất khẩu là 317 triệu USD, chiếm 48% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Sản phẩm nông sản xuất khẩu chủ lực là: cà phê, chè, rau, hoa, hạt điều.

1.1. Cà phê

Cà phê vẫn là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất trong nhóm hàng nông sản và là mặt hàng đóng góp giá trị xuất khẩu lớn thứ 2 trong cơ cấu

các mặt hàng xuất khẩu của tỉnh, chỉ sau alumin. Năm 2018, xuất khẩu cà phê nhân đạt 110 ngàn tấn với tổng giá trị là 183 triệu USD, chiếm 28% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh và chiếm 59% giá trị xuất khẩu của nhóm hàng nông sản. So với năm 2017, sản lượng cà phê tăng không đáng kể (tăng khoảng 1,7%); đồng thời, do giá cà phê thế giới sụt giảm nên kim ngạch xuất khẩu cà phê không tăng.

Cà phê có thị trường khá đa dạng, được xuất đi khắp các châu lục, nhưng 03 thị trường chính là: Khu vực Đông Á (Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc) và các nước khối EU (Đức, Ý, Anh, Tây Ban Nha), và Mỹ.

Hiện nay, khoảng 80% cà phê của tỉnh được các tập đoàn đa quốc gia như OLAM, Louis Dryfus, Nestle thu mua, khoảng 20% được chế biến và xuất khẩu trực tiếp bởi một số công ty chế biến cà phê khác, tiêu biểu như: Công ty TNHH Thương phẩm Atlantic Việt Nam, Công ty TNHH Mercafe Agri Products, Công ty CP XNK Cà phê Đà Lạt (VINA cafe Đà Lạt), Công ty TNHH Hương Bản, Công ty TNHH Hồ Phương,...

Đối với cà phê hòa tan và cà phê hạt rang có một số công ty đã xuất khẩu sang Myanmar, Hàn Quốc, Georgia. Tuy nhiên, số lượng xuất khẩu không nhiều.

1.2. Chè

Năm 2018, chè xuất khẩu đạt 15 ngàn tấn và thu về 34,5 triệu USD, tăng 22% về lượng và 23% về giá trị so với năm 2017. Kim ngạch xuất khẩu chè chiếm khoảng 05% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh và 11% kim ngạch nông sản xuất khẩu. Chè chế biến xuất khẩu bao gồm: chè Olong, trà xanh, trà lên men, và trà sơ chế (lên men 1 phần).

Thị trường xuất khẩu trà không đa dạng: Chủ yếu là Đài Loan (trà Olong và trà sơ chế); Afghanistan và Pakistan (trà xanh). Ngoài ra, còn có Nga, Mỹ.

Doanh nghiệp xuất khẩu chè đang có sự dịch chuyển từ doanh nghiệp khối FDI sang các công ty 100% vốn trong nước. Các công ty xuất khẩu chè tiêu biểu là: Công ty TNHH Chè Vina Suzuki, Công ty TNHH King Wang Chen Việt Nam, Công ty TNHH Liên doanh Phú Sơn, Công ty TNHH Chế biến Trà Trân Nam Việt, DNTN trà và cà phê Phương Nam, Công ty CP Chè Phong Giang,...

1.3. Hoa

Năm 2018, hoa xuất khẩu đạt 325 triệu cành, giá trị xuất khẩu hoa đạt 48,8 triệu USD. Xét về mức độ tăng trưởng, hoa là một trong 03 mặt hàng có sự tăng trưởng lớn cả về số lượng và giá trị, tăng gần 12% so với năm 2017. Hoa là mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao của tỉnh, chiếm 15% trong kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông sản và 07% trong tổng giá trị xuất khẩu toàn tỉnh.

Hoa xuất khẩu bao gồm hoa cắt cành, hoa chậu, lá trang trí. Các loại hoa xuất chính: hồng, cẩm chướng, cúc, lily, cát tường, Lan Hồ Điệp, Lan Vũ Nữ.

Thị trường xuất khẩu khá đa dạng, đứng đầu là các nước Đông Á (Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc), tiếp theo là: Châu Úc (Australia), Châu Âu (Hà Lan, Đan Mạch, Bỉ, Nga), Khu vực ASEAN (Singapore, Thái Lan, Indonesia).

Doanh nghiệp xuất khẩu hoa lớn cũng chủ yếu là doanh nghiệp FDI, tiêu biểu như: Công ty TNHH Dalat Hasfarm, Công ty TNHH APOLLO, Công ty TNHH Hoa Mặt trời, Công ty TNHH Hoa Trường Xuân.

1.4. Rau

Năm 2018 rau các loại xuất khẩu đạt 11 ngàn tấn (tăng 2,4% so với năm 2017) và thu về 27,5 triệu USD, chỉ chiếm 04% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Rau xuất khẩu chủ yếu là: khoai lang, bí đỏ, ớt chuông, bắp ngọt, cà rốt, khoai tây, khoai mỡ, rau bó xôi, bắp cải, hành baro,...

Thị trường xuất khẩu chính: Đông Á (Nhật, Đài Loan, Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc), EU (Anh, Hà Lan, Pháp, Bỉ), Mỹ, ASEAN (Singapore, Malaysia).

Xuất khẩu rau – củ – quả các loại năm Khác với cà phê, chè, và hoa, Lâm Đồng như không có nhiều biến động so với các năm trước do Lâm Đồng không có nhiều doanh nghiệp chế biến rau – củ – quả; đồng thời, quy mô của các công ty cũng không lớn. Các đơn vị chế biến rau – củ – quả cấp đông hiện có là: Công ty TNHH Thực phẩm Đà Lạt – Nhật Bản, Công ty CP chế biến thực phẩm Đà Lạt Tự Nhiên, Công ty TNHH An Vạn Thịnh, Công ty TNHH Thụy Hồng Quốc Tế, Công ty CP Nông Sản Thực phẩm Lâm Đồng, Công ty TNHH chế biến thực phẩm hàng ngày, Công ty CP Viên Sơn, Công ty TNHH Thực phẩm Asuzac Đà Lạt, và Công ty TNHH Cung ứng nông nghiệp Lâm Đồng, Công ty TNHH Rau Nhà Xanh.

2. Nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản

Giá trị xuất khẩu của nhóm hàng này là 261 triệu USD trong năm 2018, chiếm 39% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Trong nhóm này, mặt hàng chính của nhóm này là Alumin và Hydroxit nhôm. Hai hàng này đã có sự tăng trưởng mạnh trong năm 2018, đạt 650 ngàn tấn và 260 triệu USD, tăng 16,6% về lượng và tăng 50,5% giá trị.

Xuất khẩu Alumin và hydroxit nhôm do Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng thực hiện. Thị trường xuất khẩu của Alumin và hydroxit nhôm là: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, UAE, HongKong, Thụy Sĩ, và Thái Lan.

3. Nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp

Nhóm công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp chiếm 13% tổng giá trị xuất khẩu với giá trị là 83 triệu USD trong năm 2018. Mặt hàng xuất khẩu chính trong nhóm là tơ lụa và sản phẩm dệt may. Nếu mặt hàng tơ và lụa biểu thị sự tăng trưởng thì mặt hàng sản phẩm dệt may lại trong xu hướng giảm (giảm gần 16% về giá trị so với năm 2017 và đây cũng là sản phẩm xuất khẩu chủ lực có sự suy giảm nhiều nhất trong năm 2018).

Thị trường chính của các sản phẩm dệt may Lâm Đồng là các nước châu Âu (Anh, Đức, CH Sec); Châu Mỹ (Mỹ, Canada); Đông Á (Hàn Quốc, Nhật); Châu Úc (New Zealand). Thị trường xuất khẩu lụa là Nhật, tơ chủ yếu xuất sang Ấn Độ.

Xuất khẩu sản phẩm dệt may chủ yếu do các công ty có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện, như: Công ty TNHH Đà Lạt Apex, Công ty TNHH Merkava Việt Nam, Công ty TNHH May Royal Family, Công ty TNHH Young Shin

Vina,...Ngược lại, sản xuất và xuất khẩu tơ lụa hầu như do các công ty trong nước như: Công ty TNHH xe tơ dệt lụa Hà Bảo, Công ty TNHH Dệt tơ tằm Việt Silk, Công ty Cổ phần tơ lụa Đông Lâm,...

II. Các hoạt động hỗ trợ xuất khẩu của Lâm Đồng

Trong những năm qua, Sở Công Thương Lâm Đồng đã triển khai thực hiện những nội dung sau để thúc đẩy xuất khẩu:

1. Xây dựng cơ sở để triển khai các hoạt động hỗ trợ thông qua đề án phát triển các mặt hàng xuất khẩu chủ lực tỉnh Lâm Đồng đối với từng khu vực thị trường đến năm 2020, tầm nhìn 2030 nhằm có sự phối hợp đồng bộ giữa các sở, ngành của tỉnh Lâm Đồng.

2. Cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp xuất khẩu định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh thông qua việc xuất bản Bản tin thông tin thị trường và ngành hàng để cung cấp thông tin.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại: phối hợp với các Thương vụ Việt Nam ở các nước để kết nối doanh nghiệp của tỉnh với các nhà nhập khẩu ở nước ngoài; phối hợp tổ chức các hội nghị kết nối giao thương giữa doanh nghiệp trong tỉnh và các doanh nghiệp nước ngoài, các hệ thống phân phối nước ngoài ở Việt Nam; giới thiệu doanh nghiệp tham gia các hội chợ triển lãm quốc tế ở các quốc gia và các chương trình xúc tiến thương mại do Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) tổ chức.

4. Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thương mại điện tử, tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử uy tín trong và ngoài nước, ứng dụng tiếp thị đa kênh, xây dựng website, Fanpage, trang bị phần mềm quản lý bán hàng,...để tăng cơ hội quảng bá tiếp cận khách hàng.

5. Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng trong hoạt động xuất khẩu cho doanh nghiệp: phổ biến thông tin về các hiệp định thương mại mà Việt Nam tham gia, tập huấn về nghiệp vụ xuất khẩu, khai báo nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, cách tìm kiếm khách hàng thông qua các công cụ trực tuyến,...

III. Khó khăn và thách thức trong xuất khẩu hàng hóa của Tỉnh

1. Khó khăn

- Nhóm hàng nông sản chủ yếu xuất chế biến thô có giá trị gia tăng thấp.
- Các mặt hàng xuất khẩu đều chưa tạo được thương hiệu riêng, thường được xuất làm nguyên phụ liệu hoặc phối trộn nên giá xuất khẩu thường xuyên biến động, phụ thuộc hoàn toàn vào giá thế giới.

- Doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất khẩu chưa nhiều, năng lực cạnh tranh thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu trong quá trình hội nhập. Đặc biệt là

các công ty xuất khẩu có vốn đầu tư trong nước hầu hết là công ty có quy mô nhỏ, tiềm lực tài chính yếu, khả năng cạnh tranh kém.

- Hạn chế trong phát triển hạ tầng logistic thương mại cũng ảnh hưởng đến sự cạnh tranh của hàng xuất khẩu Lâm Đồng.

2. Thách thức

- Chủ nghĩa bảo hộ đang xuất hiện trở lại, gây trở ngại cho xuất khẩu.

- Việc áp dụng các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và về bảo vệ môi trường ngày càng khắt khe cũng sẽ tạo nên những rào cản mới bất lợi cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

- Tình trạng bão hòa của thị trường thế giới nói chung và tình trạng giá nông sản xuất khẩu đã gần như đã đạt đỉnh nên khả năng tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu nhờ yếu tố giá không còn nhiều mà phải cạnh tranh dựa trên yếu tố công nghệ.

IV. Đề xuất kiến nghị

Trong khuôn khổ hợp tác liên kết vùng, Sở Công Thương Lâm Đồng có một số đề xuất với Bộ Công Thương để thúc đẩy xuất khẩu như sau:

1. Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung về các vùng nguyên liệu theo ngành hàng hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về nông sản. Điều này cho phép cơ quan nhà nước dễ dàng xử lý thông tin trong quản lý, doanh nghiệp có cơ sở để quyết định hoạt động sản xuất, kinh doanh chính xác hơn.

2. Xây dựng thương hiệu vùng nông sản. Nếu thương hiệu địa phương tạo sự cạnh tranh trong nước thì thương hiệu vùng sẽ tạo lợi thế khi xuất khẩu.

3. Hỗ trợ trong việc hợp tác quốc tế trong chuyển giao kỹ thuật công nghệ trong bảo quản, chế biến nông sản.

4. Hỗ trợ phát triển logistics./.